

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THỊ THU TRANG

ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THỊ THU TRANG

**ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI**

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. LÊ HUỖNH TẤN DUY

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện khoa học xã hội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Học viện khoa học xã hội xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Vũ Thị Thu Trang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ	9
1.1. Khái niệm và đặc điểm của đặc xá, đại xá.....	9
1.2. Phân biệt đặc xá, đại xá với một số chế định có liên quan	17
1.3. Ý nghĩa của đặc xá, đại xá	20
1.4. Lịch sử hình thành và phát triển của đặc xá, đại xá trong pháp luật hình sự Việt Nam.....	22
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ	29
2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về đặc xá, đại xá.....	29
2.2. Quy định của pháp luật một số nước về đặc xá, đại xá	41
Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ TẠI TỈNH ĐỒNG NAI VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN	51
3.1. Thực tiễn thực hiện đặc xá, đại xá tại tỉnh Đồng Nai	51
3.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện đặc xá tại tỉnh Đồng Nai.....	60
3.3. Kiến nghị nâng cao hiệu quả của việc thực hiện đặc xá, đại xá tại tỉnh Đồng Nai.....	62
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CHHP	Chấp hành hình phạt
PLHS	Pháp luật hình sự
TAND	Toà án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự của Ngành TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017	53
Bảng 3.2. Số liệu thống kê thi hành án hình sự của Ngành TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017	55
Bảng 3.3. Số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự và quyết định hình phạt từ năm 2013 đến năm 2017 của TAND tỉnh Đồng Nai	56
Bảng 3.4. Số liệu thống kê số phải ra quyết định và số đã ra quyết định từ 2013 đến 2017	57
Bảng 3.5. Số liệu thống kê đặc xá, giảm thời gian chấp hành hình phạt tù của Trại giam Xuân Lộc từ năm 2013 đến năm 2017	60

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự của nước ta và thực tiễn áp dụng pháp luật về đặc xá, đại xá cũng như tình hình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực này hiện nay, tác giả thấy rằng nghiên cứu đề tài: “***Đặc xá, đại xá theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai***” là rất cần thiết vì:

Chấp hành hình phạt là kết quả của sự cưỡng chế Nhà nước đối với các hành vi tiêu cực xâm hại đến các lợi ích được pháp luật hình sự bảo vệ, nhưng tự thân nó đặc xá, đại xá lại thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo, mang giá trị nhân văn mà ở đó, nguyên tắc chủ đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước luôn là sự kết hợp giữa việc trừng trị với khuyến khích người bị kết án quyết tâm tự giáo dục mình để nhận lấy sự tha miễn đó.

Đặc xá, đại xá là một trong những chế định quan trọng trong Hiến pháp và theo Luật hình sự Việt Nam. Đây chính là cơ sở pháp lý nền tảng, liên quan đến nhiều chế định khác mà căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể các cơ quan tư pháp hình sự tham gia vào quá trình áp dụng trong giai đoạn thi hành án phạt tù.

Trong những năm qua, với tiềm năng, nhân lực cùng chính sách đầu tư thông thoáng tỉnh Đồng Nai đã thu hút nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến đầu tư phát triển kinh tế, do đó đã tạo cho Đồng Nai những bước phát triển vượt bậc, kinh tế liên tục tăng trưởng ở mức độ cao, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều khu công nghiệp đã và đang được xây dựng mới, hàng năm đã giải quyết một số lượng lớn lao động từ khắp mọi miền đất nước đến làm ăn sinh sống; đời sống của cán bộ công nhân viên và nhân dân lao động ngày càng được cải thiện, tình hình kinh tế phát triển, chính trị ổn định. Đồng Nai là một trong những tỉnh có tỷ lệ thu hút vốn đầu tư và nộp ngân sách đứng đầu cả nước.

Tình hình tội phạm nói chung và tình hình thực tiễn xét xử án hình sự của Tòa án nhân dân hai cấp tại Đồng Nai có liên quan chặt chẽ với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm riêng của từng vùng. Sự thay đổi về kinh tế - xã hội sẽ dẫn đến những thay đổi và tác động đến các hiện tượng trong xã hội. Từ

đó có tác động đến công tác xét xử án hình sự của tỉnh và công tác thi hành án phạt tù tại tỉnh Đồng Nai. Thời gian qua, việc nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến chế định đặc xá chưa được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm đúng mức. Cho đến nay, nhiều nội dung của chế định đặc xá, đại xá còn có những nhận thức khác nhau. Mặt khác, cùng với sự phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước, nhiều vấn đề của luật hình sự, trong đó có vấn đề đặc xá, đại xá cũng luôn vận động và phát triển đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết.

Đặc xá, đại xá là những chế định quan trọng của Luật hình sự Việt Nam. Ở một mức độ nào đó, chế định đặc xá, đại xá thể hiện nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam như nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc dân chủ và nguyên tắc tôn trọng quyền con người.

Kế thừa và phát triển Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là bước phát triển mới trong việc giải quyết vấn đề đặc xá, đại xá ở nước ta. Nhiều quy phạm của chế định miễn chấp hành hình phạt đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn trong đó có chế định đặc xá, đại xá; tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức nên một số quy định của pháp luật hình sự, trong đó có các quy định về chế định đặc xá, còn có những nhận thức không thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật trong hoạt động thực tiễn.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chế định đặc xá, đại xá, trên cơ sở đó, đưa ra những giải pháp để tiếp tục hoàn thiện Bộ luật hình sự hiện hành và giải quyết những vướng mắc của thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là việc cần thiết, không những có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa cả về thực tiễn trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Tất cả những phân tích trên đây là lý do để tôi lựa chọn vấn đề "**Đặc xá, đại xá theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai**" làm đề tài nghiên cứu cho Luận văn Thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đặc xá, đại xá là những vấn đề quan trọng, phong phú và phức tạp của pháp luật hình sự, nên từ trước đến nay nó cũng được một số nhà luật học đề cập đến trong các nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, trong khoa học luật hình sự vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức.

Từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập năm 1945 cho đến khi Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta được ban hành năm 1985, chế định đặc xá chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật hình sự của nước ta. Còn vấn đề đại xá được quy định tại Sắc lệnh 33Đ ngày 19/9/1945 do Chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký về việc phóng thích cho các tội nhân bị kết án trước ngày 19/8/1945; Sắc lệnh số 52-SL ngày 20/10/1945 về xá miễn cho một số tội phạm trước ngày 19/8/1945 và nhân dịp giải phóng Thủ đô, bằng Thông tư số 413-TTg ngày 09/11/1954 của Thủ tướng Chính phủ về đại xá. Còn đặc xá được đề cập một cách chính thức trong Bộ luật hình sự năm năm 1999 và Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Xuất phát từ thực trạng đó của hệ thống pháp luật hình sự, cũng như thực tiễn đặc xá còn đơn giản, cho nên việc nghiên cứu về chế định đặc xá trước khi Bộ luật hình sự năm 1999 được ban hành hầu như không được đề cập. Sau khi Bộ luật hình sự năm 1999 được ban hành đã có những nhà luật học đầu tư nghiên cứu về vấn đề đặc xá và nghiên cứu sâu hơn về vấn đề đại xá tuy ở các cấp độ chưa cao, cụ thể là:

Hiện nay, các công trình nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp có liên quan đến vấn đề đặc xá, đại xá đã được công bố trong từng phạm vi nhất định, với những mức độ khác nhau. Tác giả xin được liệt kê và chia những công trình này thành các nhóm chính sau đây:

- *Nhóm thứ nhất:* Các công trình nghiên cứu là Luận văn Thạc sĩ liên quan trực tiếp đến đặc xá, đại xá như: 1) *Đặc xá, đại xá - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, của tác giả Nguyễn Dũng Tiến, bảo vệ năm 2005 tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; 2) *Đại xá và đặc xá trong Luật hình sự Việt Nam*, của tác giả Đặng Anh Tuấn, bảo vệ năm 2016 tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;

- *Nhóm thứ hai:* Các công trình nghiên cứu là các Giáo trình, Sách chuyên khảo, Bình luận khoa học Luật hình sự có liên quan trực tiếp đến đặc xá, đại xá như: 1) Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên), (2013), *Bình luận Luật Đặc xá*, NXB Tư pháp; 2) GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (Phần chung)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; 3) GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2002; 4) GS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2005; 5) TS. Phạm Văn Beo, *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 1 (Phần chung)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009; 6) GS.TS Đỗ Đình Hòa (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2011; 7) ThS. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học BLHS năm 1999, Phần chung*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2000...

- *Nhóm thứ ba:* Các công trình nghiên cứu là các bài báo khoa học đề cập trực tiếp đến Đặc xá, đại xá được công bố trên các Tạp chí chuyên ngành như: 1) GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, *Chế định đặc xá, chế định đại xá và mô hình lý luận của chúng trong pháp Luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí TAND, số 5/2005; 2) GS.TS Nguyễn Ngọc Anh, *Khái niệm đặc xá và một số khái niệm có liên quan đến đặc xá*, Tạp chí TAND, số 10/2007; 3) TS. Phạm Ngọc Kỳ, *Mục đích và nguyên tắc đặc xá*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 17(178)/2010...

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đưa ra những bàn luận và giải quyết được một số vấn đề mà lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của các công trình này cũng cho thấy, chế định đặc xá, đại xá mặc dù là một trong những chế định cơ bản nhưng cũng là một

trong những chế định còn nhiều nội dung chưa đạt đến sự đồng thuận và gây tranh luận sôi nổi trong giới khoa học luật hình sự từ trước đến nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu:

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của chế định đặc xá, đại xá theo pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự Việt Nam nói riêng, xác định những bất cập trong thực tiễn để đề xuất những giải pháp tiếp tục hoàn thiện chế định trong thời gian tới và nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta hiện nay.

Với mục đích nghiên cứu trên, luận văn tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ sau:

Về mặt lý luận: Trên cơ sở nghiên cứu sự phát triển của chế định này trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, đồng thời so sánh chế định đặc xá, đại xá theo luật pháp luật Việt Nam với chế định đặc xá, đại xá trong luật hình sự một số nước, làm sáng tỏ bản chất pháp lý của chế định đặc xá, đại xá theo luật hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về đặc xá, đại xá tại địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trên cơ sở phân tích những thiếu sót, khuyết điểm và những vướng mắc của việc áp dụng pháp luật hình sự liên quan đến chế định đặc xá, đại xá, đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm góp phần tạo sự nhận thức và áp dụng pháp luật được thống nhất.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, Luận văn đã đặt ra những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Trên cơ sở kết quả tổng hợp các quan điểm của các tác giả về đặc xá, đại xá, luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề chung về đặc xá, đại xá như sau:

- Khái niệm, các đặc điểm cơ bản và bản chất của đặc xá, đại xá; phân biệt

với các trường hợp còn lại của miễn chấp hành hình phạt; giảm mức hình phạt đã tuyên và tha tù trước thời hạn có điều kiện.

- Sơ lược về sự hình thành và phát triển của chế định đặc xá, đại xá trong pháp luật hình sự thực định Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015 để rút ra những nhận xét, đánh giá;

- Nghiên cứu các quy định của BLHS Việt Nam năm 2015, Luật đặc xá năm 2007 hiện hành về đặc xá, đại xá;

- Nghiên cứu các quy phạm của pháp luật hình sự một số nước trên thế giới về đặc xá, đại xá để đưa ra những kết luận.

- Thực tiễn áp dụng chế định đặc xá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để rút ra những nhận xét đánh giá;

Trên cơ sở các nghiên cứu đó, đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy phạm pháp luật hình sự thực định hiện hành; hướng dẫn của thực tiễn xét xử; thực tiễn áp dụng chế định đặc xá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và một số giải pháp khác.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu chế định đặc xá, đại xá theo luật pháp luật Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu các vấn đề như sau: Khái niệm đặc xá, đại xá; phân biệt đặc xá, đại xá với một số chế định có liên quan, Lịch sử hình thành và phát triển của đặc xá, đại xá trong pháp luật hình sự Việt Nam,...được quy định trong các Sắc lệnh, Thông tư, Quyết định từ năm 1945; Hiến pháp, BLHS qua các lần pháp điển hóa và Luật đặc xá 2007. Luận văn đã tìm hiểu về thực tiễn áp dụng đặc xá tại tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017.

Thực tế nghiên cứu cho thấy rằng, chế định đặc xá, đại xá liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau của Hiến pháp, Luật hình sự, Luật đặc xá và Luật tố tụng hình sự như: Quyết định hình phạt, hình phạt, thời hạn thi hành án, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt,...Việc đề cập đến các vấn đề trên của luật hình

sự và luật tố tụng hình sự nhằm giải quyết một cách có hệ thống và làm rõ hơn đến năm chế định đặc xá, đại xá theo pháp luật Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu:

Trong giới hạn của một Luận văn Thạc sĩ, tác giả tập trung nghiên cứu phân tích quy định pháp luật về hai lĩnh vực này trong hệ thống văn bản được ban hành từ năm 1945 như Sắc lệnh, Thông tư; Luật hình sự Việt Nam, Luật đặc xá 2007 và thực tiễn áp dụng, trên cơ sở các số liệu xét xử, thi hành án và số liệu đặc xá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến 2017 để chỉ ra một số tồn tại hạn chế, các nguyên nhân chủ yếu, đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng.

Luận văn có tham khảo những bài học kinh nghiệm lập pháp một số nước khi nghiên cứu về đặc xá, đại xá như: Liên bang Nga, Nhật bản và Trung Quốc.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng về Nhà nước, pháp luật, về tội phạm, hình phạt, về con người; những thành tựu của khoa học, triết học, lịch sử, các học thuyết chính trị pháp lý, Hiến pháp, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án, Luật đặc xá và Lôgic học.

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp hệ thống, lịch sử dùng trong quá trình viết chương 1; phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học Luật hình sự, phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp đối chiếu dùng trong chương 2 và chương 3. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả tham khảo ý kiến chuyên gia liên quan đến đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Đây là công trình ở cấp độ Luận văn Thạc sĩ nghiên cứu toàn diện, có hệ thống vấn đề đặc xá và đại xá. Những kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng sau:

Về mặt lý luận: Luận văn này là công trình nghiên cứu chuyên khảo phân tích có hệ thống những nội dung cơ bản của chế định đặc xá và đại xá theo luật hình sự Việt Nam với những đóng góp về mặt khoa học đã nêu trên.

Về mặt thực tiễn: Luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn nội dung cơ bản, cơ sở, điều kiện của việc áp dụng đặc xá và đại xá đối với người đã bị Tòa án kết án, đã thi hành án hoặc hết thời hạn thi hành án và đã trải qua một thời gian thử thách nhất định trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta.

Ngoài ra, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu, học tập tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành luật ở nước ta.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và lịch sử về đặc xá, đại xá

Chương 2. Quy định của pháp luật Việt Nam và một số quốc gia về đặc xá, đại xá

Chương 3. Thực tiễn thực hiện đặc xá tại tỉnh Đồng Nai và kiến nghị hoàn

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ VỀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ

1.1. Khái niệm và đặc điểm của đặc xá, đại xá

1.1.1. Khái niệm đặc xá, đại xá

Những năm đầu thành lập, điều kiện nước ta còn nhiều khó khăn, Đảng và Chính phủ phải nỗ lực, tập trung mọi nguồn lực, trí tuệ để lãnh đạo đất nước chống thù trong, giặc ngoài và bảo vệ đất nước. Tuy nhiên, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến những người đã lầm đường, lạc lối, tạo mọi điều kiện để họ sớm trở về với gia đình, xã hội. Do vậy, chính sách đại xá (phóng thích), đặc xá được áp dụng ngay từ thời gian này. Để nhận thức đầy đủ về đặc xá, đại xá trước hết cần làm rõ khái niệm của chúng.

1.1.1.1. Khái niệm đặc xá

Đặc xá là chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước do người có thẩm quyền quyết định nhằm miễn chấp hành hình phạt đối với người đang chấp hành hình phạt với những tiêu chuẩn, điều kiện do luật định khi có những sự kiện quan trọng. Đặc xá thường được tổ chức nhân dịp những sự kiện trọng đại của đất nước, của dân tộc và đáp ứng nhiệm vụ của nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, đến nay liên quan đến khái niệm đặc xá vẫn còn có các quan điểm khác nhau sau đây:

Trong khoa học hình sự của Liên xô trước đây và Liên bang Nga ngày nay, cũng có nhiều quan điểm khác nhau về đặc xá cụ thể như sau[14, tr. 840]:

“Nhà hình sự Nga nổi tiếng trước cách mạng, giáo sư Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Maxcova Taganxev N.G. đã phân chia 3 dạng đặc xá là:

-Induglencia hoặc là aggratiatio (tiếng Latinh có nghĩa là tha bổng hoặc ân xá): không áp dụng hình phạt tiếp theo do luật định đối với người mà lỗi đã được xác định theo trình tự của pháp luật.

-Restitutio hoặc là rehabilitatio (tiếng Latinh có nghĩa là phục hồi các quyền trước đây hoặc minh oan): Chấm dứt hình phạt đang chấp hành, đặc biệt là loại trừ những sự hạn chế các quyền nhằm khẳng định các nguyên tắc công

bằng và có ích mà các nguyên tắc đó đòi hỏi sự tương quan của mức hình phạt với tính chất tội lỗi thực tế của người bị kết án.

- Abolitia (tiếng Latinh có nghĩa là sự hủy bỏ): Loại trừ sự truy tố về hình sự hoặc đình chỉ sự truy tố đó đã được bắt đầu”[13, tr. 840]:

- Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, giữa các nhà nghiên cứu, những người thực thi pháp luật cũng còn nhiều quan điểm khác nhau về chế định đặc xá như sau:

Theo luật gia Nguyễn Mạnh Hùng thì *“Đặc xá là miễn tội, giảm hình phạt, miễn hình phạt hoặc xoá án tích đối với một người hoặc một số người nhất định theo đơn xin của đương sự, của gia đình họ, của cơ quan, tổ chức hữu quan hoặc căn cứ vào đường lối đối nội, đối ngoại của Nhà nước”*[23, tr. 122].

Theo ThS Đinh Văn Quế, *“Đặc xá là miễn toàn bộ hay một phần hình phạt đối với một hoặc một số người bị kết án”* [29-Tr. 160].

Theo TS Giang Sơn thì: *“Đặc xá là miễn toàn bộ hay một phần hình phạt hoặc giảm nhẹ hình phạt, kể cả miễn TNHS hoặc xoá án đối với một hay một số người phạm tội nhất định (cũng có trường hợp đặc xá với một số đồng người)”*[33, Tr. 503].

Việc xét đặc xá không bị ràng buộc bởi tính chất nghiêm trọng của tội phạm và luôn luôn xuất phát từ lý do nhân đạo, coi bản án, quyết định của Toà án đã tuyên là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

Theo GS. TSKH Lê Cẩm, về nội dung, *“Đặc xá là sự khoan hồng mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự được thực hiện theo trình tự ngoài Toà án bằng việc áp dụng đối với riêng một (những) người bị kết án cụ thể nhất định một trong các biện pháp tha miễn của PLHS nếu người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện mà văn bản đặc xá quy định”*. Về hình thức, *“Văn bản đặc xá là văn bản quy phạm pháp luật do nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước) ban hành dưới dạng quyết định nhân dịp những ngày Quốc khánh hoặc những ngày lễ lớn (như Tết dương lịch hay Tết nguyên đán) hàng năm của dân tộc hay có sự kiện*

đặc biệt khác hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay của người đại diện cho người đó”[14, tr 843].

Nghiên cứu các quan điểm trên đây về khái niệm đặc xá cho thấy: Các nhà khoa học có nhiều cách tiếp cận khác nhau do đó đưa ra các khái niệm khác nhau. Tuy nhiên, có một đặc điểm chung là các nhà khoa học đều cho rằng đặc xá là chính sách khoan hồng của Nhà nước do người có thẩm quyền (Chủ tịch nước quyết định) quyết định. Đặc xá được quan niệm là miễn toàn bộ hoặc một phần hình phạt...Mặc dù vậy, các quan điểm nêu trên còn mang tính diễn giải, thiếu tính khái quát cao theo yêu cầu của khái niệm đặc xá.

Theo Từ điển Tiếng Việt thì “*Đặc xá là tha tù nhân trong một dịp đặc biệt*”. Khái niệm này mang tính khái quát cao, ngắn gọn nhưng chưa thể hiện được bản chất và nội dung của đặc xá[27, tr. 278].

Theo Từ điển luật học thì “*Đặc xá là miễn toàn bộ hoặc một phần hình phạt hoặc giảm nhẹ hình phạt kể cả miễn trách nhiệm hình sự, hoặc xóa án đối với một hoặc một số người nhất định, hoặc một số đông người đang chấp hành hình phạt trong trường hợp họ lập được công lớn hoặc đã già yếu, hoặc mắc bệnh hiểm nghèo. Quyết định đặc xá thuộc thẩm quyền Chủ tịch nước và thường được ban hành nhân dịp Quốc khánh hàng năm đối với người đang chấp hành án phạt tù*”[25, tr. 230].

Khái niệm đặc xá nêu trong cuốn Từ điển luật học đã khái quát tương đối đầy đủ các vấn đề liên quan đến đặc xá. Tuy nhiên, khái niệm này còn mang tính diễn giải do đó còn dài dòng.

Theo Từ điển Bách khoa Công an nhân dân thì: “*Đặc xá là miễn toàn bộ hay một phần hình phạt trước thời hạn cho những phạm nhân có quá trình cải tạo tốt, đạt những tiêu chuẩn quy định nhân dịp những sự kiện chính trị đặc biệt của quốc gia. Người bị kết án tử hình nếu được đặc xá thì được tha tội chết, giảm thành chung thân*”[24, tr. 267].

Khái niệm trên đây đã khái quát được nội dung và bản chất của đặc xá. Tuy nhiên, chưa làm rõ được tính nhân đạo, tính khoan hồng của Nhà nước, thời điểm đặc xá, thẩm quyền, quyết định đặc xá...

Đặc xá là biện pháp khoan hồng của Nhà nước có nội dung là miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần còn lại của hình phạt tù cho đích danh một phạm nhân nào đó hoặc cho những phạm nhân đã thoả mãn những điều kiện nhất định nào đó... Tùy ở giai đoạn nào của quá trình thi hành án mà người bị kết án được đặc xá hoặc đại xá được miễn chấp hành toàn bộ hay phần hình phạt còn lại.

Vì vậy, cần phải khẳng định về mặt nội dung, đặc xá là chế định pháp lý hình sự và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hình sự.

Theo bản thân, qua nghiên cứu về chế định đặc xá có thể hiểu đặc xá như sau: *Đặc xá là chính sách khoan hồng đặc biệt của Nhà nước đối với những người bị kết án nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn hoặc những sự kiện chính trị đặc biệt của quốc gia. Là quyết định của người đứng đầu Nhà nước miễn toàn bộ hay một phần hình phạt tù cho người bị kết tội theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.*

1.1.1.2. Khái niệm đại xá

Sắc lệnh 33Đ ngày 19/9/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phóng thích quy định: *“Các tội nhân bị kết án trước ngày mười chín tháng tám dương lịch năm 1945 sẽ được phóng thích theo các thức định sau đây:...”*. Thời điểm này chưa đưa ra khái niệm về phóng thích, đại xá. Theo từ điển tiếng Việt thì “phóng thích” có nghĩa là thả tù nhân, thả người đang bị tạm giam.

Trong khoa học pháp lý của Việt Nam, liên quan đến chế định đại xá giữa các nhà nghiên cứu và những người thực thi pháp luật cũng có những quan điểm khác nhau. Dưới đây là một số quan điểm đáng quan tâm:

Theo luật gia Nguyễn Mạnh Hùng thì: *“Đại xá là tha tội cho những người phạm tội theo từng loại tội phạm, không phải xem xét từng trường hợp cụ thể. Việc tha tội theo văn bản đại xá bao gồm việc miễn truy cứu TNHS đối với người phạm tội, tha cho người phạm tội đã bị kết án và đang CHHP,*

xoá án tích cho những người đã chấp hành xong hình phạt về những tội được đại xá xảy ra trước ngày ban hành văn bản đại xá. Những người được đại xá về tội gì được coi là không có án tích về tội đó”[23, tr. 119, 120].

Theo ThS Đinh Văn Quế thì: *“Đại xá là việc miễn TNHS đối với một loại tội phạm hoặc một loại người phạm tội nhất định. Văn bản đại xá có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản đó xảy ra trước khi ban hành văn bản đại xá thì được miễn truy cứu TNHS; nếu đã khởi tố, truy tố hoặc xét xử thì phải đình chỉ, nếu đã chấp hành xong hình phạt thì được coi là không có án tích”* [29, tr. 159].

Theo TS Giang Sơn thì: *“Đại xá là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo luật định quyết định miễn TNHS hoặc hình phạt, hoặc thay đổi hình phạt đã tuyên bằng hình phạt nhẹ hơn đối với một loại người phạm tội nhất định”* [33, tr. 502].

Theo GS. TSKH. Lê Cẩm thì: Về nội dung, *“Đại xá là sự khoan hồng mang tính chất tổng hợp về mặt pháp lý hình sự và TTHS được thực hiện theo trình tự ngoài Toà án bằng việc áp dụng đối với người phạm tội (bị kết án) không nhất định một trong các biện pháp tha miễn của PLHS nếu người đó đáp ứng đầy đủ những điều kiện mà văn bản đại xá quy định”*[14, tr. 849].

Về hình thức, *“Văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan lập pháp tối cao (Quốc hội) ban hành dưới dạng quyết định nhân dịp có sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước, có hiệu lực pháp luật bắt buộc đối với tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và Toà án căn cứ vào giai đoạn TTHS cụ thể tương ứng”*[14, tr. 849].

Nếu xét về bản chất pháp lý, *“Đại xá là một chế định nhân đạo của luật hình sự và TTHS Việt Nam, được thể hiện bằng việc áp dụng đối với người phạm tội (bị kết án) một trong sáu biện pháp tha miễn do pháp luật hình sự nước ta quy định tùy thuộc vào giai đoạn TTHS cụ thể tương ứng như: Miễn TNHS (1), miễn hình phạt (2), giảm nhẹ hình phạt (3), miễn CHHP (4), giảm thời hạn*

CHHP (5) hoặc xoá án tích (6) - khi có quyết định do Quốc hội tuyên bố nhân dịp có sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước”[14, tr. 852]

Như vậy: Về tổng thể thì đại xá là quyền hiến định của Quốc hội; đại xá được tiến hành theo trình tự, thủ tục đặc biệt. Đối tượng và thời điểm đại xá hoàn toàn do Quốc hội thảo luận và quyết định căn cứ vào thực tiễn chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại... của đất nước, nhân dịp có sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước.

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Hòa thì: *“Đại xá là biện pháp khoan hồng của Nhà nước có nội dung tha tội, thường là hoàn toàn và triệt để cho hàng loạt những người phạm những tội nhất định nào đó... Tùy ở giai đoạn nào của quá trình thi hành án mà người bị kết án được đặc xá hoặc đại xá được miễn chấp hành toàn bộ hay phần hình phạt còn lại”* [22, tr. 226].

Theo TS. Trịnh Tiến Việt thì: *“Đại xá được hiểu là văn bản (quyết định) của Quốc hội miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt hoặc thay đổi hình phạt đã tuyên bằng một hình phạt nhẹ hơn đối với một loại người phạm tội nhất định”*[53, tr. 83].

Từ trước đến nay chưa có khái niệm cụ thể về đại xá được quy định trong pháp luật hình sự, dưới góc độ nghiên cứu của mình, bản thân có thể khái quát về đại xá như sau:

Đại xá là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước nhằm tha tội hoàn toàn cho một số loại tội phạm nhất định đối với hàng loạt người phạm tội nhân sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước.

1.1.2. Đặc điểm của đặc xá, đại xá

Nghiên cứu về đặc xá, bản thân thấy rằng đặc xá có những đặc điểm như sau:

Thứ nhất, đặc xá là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước đối với người bị kết án tù có thời hạn, tù chung thân khi người chấp hành án đã tích cực rèn luyện, lao động, học tập, phấn đấu rõ rệt trong việc cải tạo của mình đã được Ban giám thị trại giam đánh giá rèn luyện khá trở lên. Hội đồng tư vấn đặc xá sẽ

xem xét, đề nghị Chủ tịch nước ra quyết định đặc xá. Đây là hoạt động đặc biệt vì chỉ có Chủ tịch nước mới có quyền quyết định đặc xá. Vậy, vấn đề ân giảm án tử hình cũng do Chủ tịch nước quyết định nhưng hai chế định này hoàn toàn khác nhau. Đặc xá là việc tha tù, trả tự do trước thời hạn do Chủ tịch nước quyết định trên cơ sở của Hiến pháp, còn ân giảm án tử hình cũng do Chủ tịch nước quyết định dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, với trình tự, thủ tục khác nhau, cơ quan giúp việc và cách thức tổ chức thực hiện khác nhau. Do vậy, không thể chỉ thấy rằng đây đều là quyết định của Chủ tịch nước về tha tù, giảm án mà cho rằng hai chế định này tương đồng nhau.

Thứ hai, thẩm quyền quyết định việc đặc xá: Trong suốt quá trình xây dựng đất nước từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, tùy từng giai đoạn lịch sử của đất nước mà có những quyết định về thẩm quyền quyết định đặc xá khác nhau. Theo quy định tại Điều 49 của Hiến pháp năm 1946, đặc xá thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước. Tại Điều 53 Hiến pháp năm 1959 lại quy định đặc xá thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 100 Hiến pháp năm 1980 thẩm quyền thuộc về Hội đồng Nhà nước có thẩm quyền quyết định đặc xá. Điều 103 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định đặc xá thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước. Như vậy, thẩm quyền quyết định có sự thay đổi là do diễn biến của lịch sử đất nước. Tuy nhiên, vấn đề đặc xá vẫn rất được Nhà nước ta coi trọng và giao trọng trách cho người đứng đầu Nhà nước có quyền quyết định.

Thứ ba, đối tượng được xem xét hưởng đặc xá: Các quy định về đối tượng đặc xá có sự thay đổi nhất định theo từng thời kỳ nhưng chủ yếu xác định là người bị kết án phạt tù. Riêng các năm 1946 và 1948 quy định người được hưởng đặc xá có cả người bị kết án tử hình. Đến giai đoạn 1977– 1988 thì đối tượng đặc xá còn gồm cả người bị tập trung cải tạo theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đặc xá được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân bao gồm những phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ; người bị kết án phạt tù đã chấp

hành được một phần hình phạt nhưng đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và người bị kết án phạt tù nhưng đang được hoãn chấp hành hình phạt và các trường hợp khác thuộc trường hợp đặc biệt. Đặc xá trong trường hợp đặc biệt mang tính đối ngoại hoặc ân giảm người bị kết án tù chung thân xuống còn tù có thời hạn.

Thứ tư, đặc xá được tiến hành theo một thủ tục đặc biệt, đó là thủ tục ngoài Tòa án. Tuy vậy, thủ tục tiến hành đặc xá được thể hiện trong các quyết định của Chủ tịch nước rất cụ thể, rõ ràng. Được áp dụng đối với những người bị kết án và nhằm huỷ bỏ một phần hoặc hoàn toàn các hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm mà Tòa án đã tuyên bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Thứ năm, hậu quả pháp lý của đặc xá chính là việc miễn toàn bộ hoặc một phần hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân.

Còn đối với đại xá thì có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, đại xá được áp dụng đối với một loạt người phạm tội nhất định nào đó một trong các biện pháp tha, miễn do PLHS quy định căn cứ vào các giai đoạn TTTH nếu người phạm tội thuộc đối tượng đại xá được ghi trong văn bản đại xá. Đại xá là sự khoan hồng của Nhà nước mang tính tổng hợp về mặt pháp lý hình sự và TTTH, có ý nghĩa về chính trị - xã hội pháp lý rất đặc biệt, thể hiện nguyên tắc nhân đạo của PLHS Việt Nam.

Thứ hai, văn bản đại xá là văn bản quy phạm pháp luật được thể hiện dưới dạng Nghị quyết của Quốc hội và có tính chất bắt buộc đối với các cơ quan tư pháp hình sự tùy thuộc vào các giai đoạn TTTH cụ thể tương ứng. Đại xá là quyền của Quốc hội (khoản 11, Điều 70, Hiến pháp năm 2013) và được công bố nhân sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước.

Thứ ba, đại xá không xem xét từng trường hợp cụ thể và cũng không đặt ra các tiêu chí cụ thể về thời hạn đã CHHP, kết quả giáo dục, đạo đức của người phạm tội... mà chỉ quy định những hành vi phạm tội đã xảy ra trong thời gian

nhất định được đại xá. Đại xá được áp dụng vì lý do nhân đạo đối với những vi phạm không nhất định của những người phạm tội.

Thứ tư, văn bản đại xá chỉ có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản và hành vi này xảy ra trước khi có văn bản đại xá có hiệu lực. Đại xá được thực hiện theo trình tự, thủ tục ngoài Tòa án. Văn bản đại xá không làm thay đổi nội dung và tính chất pháp lý hình sự của các quy phạm PLHS xác định TNHS đối với hành vi phạm tội.

Thứ năm, hậu quả pháp lý của đại xá đối với người phạm tội chính là việc áp dụng một trong các biện pháp tha, miễn do PLHS quy định căn cứ vào giai đoạn TTNS cụ thể tương ứng.

Thứ sáu, người được đại xá sẽ được xá tội hoàn toàn và được coi như không phạm tội, không phải áp dụng hình phạt gì. Tuy nhiên, những biện pháp tư pháp đã áp dụng rồi thì không thay đổi lại.

1.2. Phân biệt đặc xá, đại xá với một số chế định có liên quan

1.2.1. Phân biệt đặc xá, đại xá với miễn chấp hành hình phạt

Miễn chấp hành hình phạt được quy định tại Điều 62 Bộ luật hình sự năm 2015. Đặc xá hoặc đại xá là một trong những trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt. Đối chiếu, so sánh hai chế định thì thấy những đặc điểm khác nhau cơ bản, đó là:

Thứ nhất, về phạm vi các loại hình phạt được áp dụng: Đặc xá được áp dụng đối với hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 62 BLHS 2015, chấp hành hình phạt ngoài việc áp dụng với hình phạt tù thì còn có thể được áp dụng với nhiều loại hình phạt khác như: Cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cấm cư trú, quản chế. Điều này cho thấy phạm vi các loại hình phạt được đặc xá hẹp hơn so với phạm vi các loại hình phạt được miễn chấp hành. Nói cách khác, đặc xá chính là một trong số các trường hợp được miễn chấp hành hình phạt.

Thứ hai, về điều kiện áp dụng: Để có thể được đặc xá, người bị kết án đã phải chấp hành ít nhất 1/3 thời gian đối với hình phạt tù có thời hạn hay ít nhất là

14 năm đối với hình phạt tù chung thân; riêng tội phạm về tham nhũng hoặc một số tội phạm khác thì mỗi lần đặc xá thì phải chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, bồi thường thiệt hại, án phí hoặc nghĩa vụ dân sự khác. Trong một số trường hợp đặc biệt thì Chủ tịch nước quyết định thời gian đã chấp hành hình phạt tù ngắn hơn so với thời gian quy định. Còn miễn chấp hành hình phạt đối với các trường hợp còn lại là miễn toàn bộ hình phạt khi người bị kết án chưa chấp hành hình phạt đó, với hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù có thời hạn. Như vậy, quy định về điều kiện được đặc xá là phải có thời gian chấp hành hình phạt cụ thể với từng loại hình phạt tương ứng và một số điều kiện kèm theo như trường hợp người bị kết án tội phạm về tham nhũng... Điều kiện áp dụng đặc xá chặt chẽ hơn, khó khăn hơn so với điều kiện áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt của các loại còn lại trong chế định này.

Thứ ba, về thẩm quyền áp dụng: Đối với các trường hợp còn lại của miễn chấp hành hình phạt thì chỉ Tòa án mới có thẩm quyền áp dụng; còn đối với đặc xá hoặc đại xá thì thẩm quyền quyết định thuộc về Chủ tịch nước hoặc Quốc hội.

1.2.2. Phân biệt đặc xá, đại xá với giảm mức hình phạt đã tuyên

Dựa vào nguyên tắc nhân đạo, căn cứ quá trình giáo dục, cải tạo, khuyến khích những người đang chấp hành hình phạt tù nhằm giúp họ nhanh chóng tự giáo dục và cải tạo của họ, pháp luật hình sự Việt Nam quy định về giảm mức hình phạt đã tuyên. So sánh với đặc xá, đại xá, chế định giảm mức hình phạt đã tuyên có những điểm khác nhau như sau:

Thứ nhất, giảm mức hình phạt đã tuyên quy định hai trường hợp được giảm mức hình phạt đã tuyên với các loại hình phạt như: Cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân hoặc bị kết án tử hình và trường hợp giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt (Điều 63,64 BLHS).

Thứ hai, về điều kiện áp dụng: Đây là trường hợp mà người bị kết án phạt tù đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; phạt tiền; tù có thời hạn và 12 năm đối với tù chung thân, được giảm lần đầu được giảm xuống 30 năm tù và phải đảm bảo thời gian thực tế chấp hành hình phạt là 20 năm. Được đặc xá, áp

dụng trong trường hợp chỉ là hình phạt tù có thời hạn và tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn.

Thứ ba, về thẩm quyền áp dụng: Đối với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền áp dụng theo đề nghị của cơ quan thi hành án phạt tù; còn đối với đặc xá hoặc đại xá thì quyền quyết định là của Chủ tịch nước hoặc Quốc hội.

1.2.3. Phân biệt đặc xá, đại xá với tha tù trước thời hạn có điều kiện

Tha tù trước thời hạn có điều kiện là một chế định mới được ghi nhận tại Điều 66 BLHS năm 2015. Đây cũng là một trong những biện pháp để rút ngắn thời gian chấp hành án phạt tù. Theo nội dung chế định này, người chấp hành án phạt tù đã thi hành án được một thời gian nhất định, thỏa mãn những điều kiện quy định, có thể được xem xét để trả tự do, thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù. Nếu trong thời gian thử thách người được tha tù có điều kiện có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt hành chính từ 02 lần trở lên, thì có thể bị Tòa án quyết định buộc phải tiếp tục thi hành phần hình phạt tù còn lại. So sánh với đặc xá, đại xá thì tha tù trước thời hạn có điều kiện có những điểm khác biệt sau:

Thứ nhất, tha tù trước thời hạn có điều kiện chỉ áp dụng cho một loại hình phạt duy nhất là hình phạt tù có thời hạn (Điều 66 BLHS).

Thứ hai, về điều kiện áp dụng: Đây là trường hợp mà người bị kết án phạt tù phạm tội lần đầu; có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng trở lên; có nơi cư trú rõ ràng; đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, án phí và các nghĩa vụ bồi thường dân sự; đã chấp hành được ít nhất là một phần hai mức thời hạn tù đối với hình phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất 15 năm đối với tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn. Đặc xá áp dụng trong trường hợp chỉ là hình phạt tù có thời hạn và tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn, không kèm theo điều kiện như tha tù trước thời hạn có điều kiện. Như vậy, điều kiện áp dụng đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện đơn giản hơn

đặc xá. Tuy nhiên, đặc xá chỉ cần chấp hành một phần ba thời gian đối với tù có thời hạn. Thời gian này ngắn hơn thời gian để được áp dụng tha tù trước thời hạn có điều kiện (1/2).

Thứ ba, về hậu quả pháp lý: Người được tha tù trước thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách mà vi phạm việc thực hiện các nghĩa vụ hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần thì Tòa án có thể hủy quyết định tha tù trước còn lại của hình phạt tù nếu có ý vi phạm thời hạn và buộc chấp hành hình phạt tù còn lại. Trong khi đó, người được đặc xá sẽ được trả tự do và không có thời gian thử thách.

Thứ tư, về thẩm quyền áp dụng: Đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện thì Tòa án mới có quyền áp dụng theo đề nghị của Cơ quan thi hành án phạt tù; còn đối với trường hợp đặc xá hoặc đại xá thì là quyết định của Chủ tịch nước hoặc Quốc hội.

Việc phân biệt trên chỉ mang tính chất tương đối và không đi sâu vào từng nội dung cụ thể. Bởi lẽ, chế định đại xá chỉ được quy định trong các Sắc lệnh, Thông tư và nội dung rất hạn chế. Còn các chế định khác được quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành. Điều đặc biệt có thể phân biệt rõ nhất giữa đại xá và các chế định trên là đại xá còn được áp dụng trong trường hợp miễn trách nhiệm hình sự (giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử). Còn các chế định còn lại như tác giả đã nêu ở phần trên thì chỉ được áp dụng trong giai đoạn thi hành án.

1.3. Ý nghĩa của đặc xá, đại xá

Đặc xá, đại xá là việc khoan hồng đối với người đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân có đủ điều kiện theo quy định. Khi có quyết định đặc xá của Chủ tịch nước, người được đặc xá được trở về với gia đình và xã hội để cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, chịu sự giám sát của chính quyền địa phương.

Đặc xá, đại xá có ý nghĩa rất to lớn đối với những người phạm tội, đối với gia đình của họ và cộng đồng xã hội; đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm đấu tranh chống lại luận điệu xuyên tạc, phản động của các thế lực thù địch, âm mưu chống phá Nhà nước ta dưới chiêu bài tự do tôn giáo, dân chủ và

nhân quyền. Đối với người được đặc xá thì sẽ giúp cho họ có điều kiện sớm đoàn tụ với gia đình và giúp họ hòa nhập cộng đồng tiếp tục lao động, học tập để trở thành người lương thiện có ích cho xã hội.

Nghiên cứu đặc xá, đại xá có các ý nghĩa cơ bản sau:

Đối với gia đình, thân nhân người phạm tội và xã hội:

Đặc xá, đại xá có ý nghĩa tích cực đối với mỗi gia đình, thân nhân của người phạm tội và tác động đến toàn xã hội. Thực tế công tác đặc xá những năm qua cho thấy, chính quyền địa phương, đoàn thể và gia đình phạm nhân đã phối hợp chặt chẽ, làm tốt công tác "hậu đặc xá". Những phạm nhân được đặc xá tha tù khi trở về địa phương được tạo điều kiện thuận lợi để có việc làm, sớm ổn định cuộc sống và tái hoà nhập cộng đồng. Mỗi lần đặc xá, rất nhiều phạm nhân sẽ trở về sinh sống tại các địa phương trong cả nước. Đây là niềm vui lớn của rất nhiều gia đình Việt Nam có người thân được đặc xá.

Thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc

Đặc xá, đại xá thể hiện tinh thần nhân đạo và tôn trọng quyền con người của Nhà nước ta đối với những người đã từng vi phạm pháp luật hình sự và nhận ra sai lầm của mình và quyết tâm làm lại cuộc đời. Đặc xá, đại xá thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước đối với những người đã một thời lầm đường lạc lối, đồng thời nó cũng thể hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc ta. Đặc xá còn là sự ghi nhận của Nhà nước đối với kết quả cải tạo, chấp hành tốt của phạm nhân, của đội ngũ những người làm nhiệm vụ tại các trại giam, cùng với gia đình phạm nhân và xã hội.

Đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc về nhân quyền

Trước tình hình quốc tế có nhiều diễn biến rất phức tạp, chiến tranh xảy ra ở nhiều nơi. Các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước luôn tìm mọi cách chống phá cách mạng Việt Nam. Trong điều kiện đó, việc Chủ tịch nước quyết định đặc xá tha tù cho những người đã có hành vi vi phạm PLHS Việt Nam, bị kết án phạt tù nếu có đủ những điều kiện, tiêu chuẩn theo quyết định đặc

xá đã góp phần đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch để âm mưu gây rối, làm suy yếu và lật đổ chính quyền.

Giúp thu hồi tài sản của Nhà nước và nhân dân

Bằng các quy định khuyến khích phạm nhân CHHP bổ sung là hình phạt tiền, nộp án phí dân sự, nộp tiền truy thu hoặc bồi thường dân sự trong xét đặc xá tha tù đã giúp thu lại cho Nhà nước và nhân dân một khối tài sản không nhỏ, góp phần rất lớn trong công tác thi hành án.

Do vậy, đây là những chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đã thực hiện trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Quy định này một mặt tạo điều kiện cho người bị kết án phạt tù có cơ hội được cải tạo trong môi trường bình thường, qua đó hạn chế những tác động tiêu cực do việc giam giữ mang lại, tạo thuận lợi cho việc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng của họ. Mặt khác, tạo điều kiện giáo dục họ sống có trách nhiệm, có kỷ luật, tăng quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội. Qua đó, góp phần rất lớn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Ngoài ra, đây cũng là biện pháp khuyến khích, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng xã hội và gia đình trong quá trình việc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tham gia giám sát, giáo dục những người đã được đặc xá, đại xá. Đặc biệt, với việc áp dụng chế định này, hàng năm sẽ một lượng lớn phạm nhân được trả tự do và do đó, giúp giảm bớt tình trạng quá tải trong các cơ sở giam giữ hiện nay, qua đó cải thiện các điều kiện sinh hoạt cho người đang chấp hành án phạt tù.

1.4. Lịch sử hình thành và phát triển của đặc xá, đại xá trong pháp luật hình sự Việt Nam

1.4.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Trong giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1985, trước khi có Bộ luật hình sự, Chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh 33Đ ngày 19/9/1945 về việc phóng thích cho các tội

nhân bị kết án trước ngày 19/8/1945 và Sắc lệnh số 52-SL ngày 20/10/1945 về xá miễn cho một số tội phạm trước ngày 19/8/1945; Nhân dịp giải phóng Thủ đô, bằng Thông tư số 413-TTg ngày 09/11/1954 của Thủ tướng Chính phủ đại xá cho những người đang bị giam thì được tha ngay, người đã mãn hạn tù hoặc được ân xá, ân giảm và được tha trước đây thì được hưởng quyền công dân như ứng cử, bầu cử và các quyền tự do, dân chủ. Nhà nước ta thực hiện một đợt đại xá lớn cho nhiều loại tội phạm, kể cả tội phạm chính trị, từng là tay sai của thực dân, phong kiến, mang tội ác với cách mạng, với đất nước nhưng đã có sự ăn năn hối cải, có quá trình cải tạo tốt, lấy công chuộc tội. Như vậy, những người phạm tội và bị Tòa án xét xử từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công đến ngày 09/10/1954 - ngày giải phóng Thủ đô đều được đại xá theo tinh thần trên.

Trải qua quá trình xây dựng đất nước, từ năm 1945 đến nay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công Nhà nước ta thành lập Tòa án quân sự vào ngày 13/9/1945 tại Sắc lệnh 33C. Ngay sau đó, ngày 19/9/1945 Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa đã ban hành sắc lệnh 33Đ về đại xá. Đại xá là sự khoan hồng của Nhà nước nhằm tha tội hoàn toàn và triệt để cho một số loại tội phạm nhất định đối với hàng loạt người phạm tội nhân sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước. Tuy nhiên, chế định đặc xá, chế định đại xá chỉ được quy định trong Hiến pháp, các văn bản đặc xá, văn bản đại xá ban hành trong những lần đặc xá, đại xá cụ thể hoặc được đề cập đến với tính chất là một thủ tục tố tụng như thủ tục xét ân giảm án tử hình. Đến năm 2007 mới ban hành được Luật đặc xá. Còn vấn đề đại xá thì chỉ được nhắc đến trong Hiến pháp và các văn bản như: Sắc lệnh và Thông tư.

Đại xá là một biện pháp khoan hồng đặc biệt mà Nhà nước quyết định áp dụng trong những giai đoạn lịch sử nhất định và trọng đại của đất nước nhằm tha tội hoàn toàn và triệt để cho những người phạm một tội nhất định nào đó. Như vậy, cùng với việc bảo vệ chính quyền nhân dân mới được thành lập bên cạnh việc ban hành một số Sắc lệnh đầu tiên của chính quyền cách mạng đã đặt nền tảng về pháp lý hình sự đầu tiên về mặt lập pháp cho sự hình thành các quy định

của pháp luật hình sự mới của Nhà nước và xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước thì việc đại xá là bước tiến quan trọng thể hiện bản chất tính nhân đạo của pháp luật hình sự Nhà nước ta trong giai đoạn này mà BLHS năm 1999 đã quy định là một dạng của miễn chấp hành hình phạt.

Còn đặc xá thì Chủ tịch nước đã nhiều lần quyết định về đặc xá cho những người phạm tội hoặc đang bị tập trung giáo dục cải tạo đã có quá trình cải tạo tốt trong trại giam. Mặc dù, quy mô các đợt đặc xá không lớn, số người được hưởng chính sách khoan hồng không nhiều, nhưng chính sách đặc xá trong giai đoạn này đã có tác dụng quan trọng giáo dục, động viên, giúp đỡ người phạm tội tích cực cải tạo, hoàn lương, góp phần vào việc ổn định tình hình an ninh, trật tự, đánh bại âm mưu, hoạt động chống phá của thù trong, giặc ngoài, bảo vệ chính quyền nhân dân non trẻ, góp phần giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hoàn thành thống nhất đất nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước.

Chính sách đặc xá trong giai đoạn này cũng có tác động lớn đến dư luận xã hội, trước hết là bản thân và gia đình người phạm tội thấy được bản chất tốt đẹp của chế độ Xã hội Chủ nghĩa, khác xa với bản chất bóc lột, trấn áp của bộ máy chính quyền thực dân, phong kiến.

Từ sau Cách mạng tháng tám năm 1945 đến trước khi có BLHS năm 1985, Nhà nước ta đã 02 lần tiến hành đại xá và khoảng 35 lần thực hiện đặc xá. Tuy nhiên, đặc xá và đại xá chỉ được quy định trong Hiến pháp, các văn bản đặc xá, đại xá ban hành trong những lần đặc xá, đại xá. Trong đó, bao gồm các điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá, đại xá và trình tự, thủ tục tiến hành. Thậm chí, ngay cả trong BLHS năm 1985 (BLHS lần đầu tiên của nước ta, đánh dấu một bước phát triển mới trong lĩnh vực lập pháp về hình sự) cũng không có quy định nào liên quan đến hai chế định này.

1.4.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Ở giai đoạn này và cho đến nay, không có một văn bản nào quy định về đặc xá và Nhà nước ta cũng không tiến hành đợt đặc xá nào.

Từ năm 1985 đến năm 2007, sau khi ban hành BLHS 1999 và trước khi có Luật Đặc xá, Nhà nước ta đã thực hiện khoảng 11 đợt đặc xá, trong đó có năm thực hiện 02 đợt, xét tha trước thời hạn cho gần 100.000 phạm nhân - nhiều nhất là năm 2000 với 23.827 phạm nhân và năm 2005 (hai đợt tháng 2 và tháng 5) với 17.269 phạm nhân; năm ít nhất là năm 1993, chỉ với 68 người. Có thể thấy, giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2007 công tác đặc xá đã đi vào nề nếp và có căn cứ pháp lý rõ ràng hơn, là cơ sở để Quốc hội thông qua Luật đặc xá vào năm 2007 và có hiệu lực vào năm 2008.

Công tác đặc xá ở giai đoạn này cũng đã đem lại hiệu quả to lớn về nhiều mặt, phục vụ công cuộc đổi mới, hội nhập sâu rộng hơn vào đời sống quốc tế của nước ta.

Về chính trị, với việc công khai, minh bạch, dân chủ trong thực hiện các trình tự thủ tục xét đặc xá, mở rộng thông tin cho báo giới trong nước và quốc tế, tổ chức các cuộc hội kiến với các tổ chức nhân quyền quốc tế và các nước có quan tâm đến vấn đề tù nhân cùng với việc cho họ được tham quan, khảo sát tình trạng trại giam chúng ta đã thể hiện cho họ thấy chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với phạm nhân là trước sau như một. Việc thừa nhận chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta của báo giới quốc tế, các nước và các tổ chức nhân quyền thế giới đã góp phần tích cực vào việc chống lại các quan điểm sai trái, bôi nhọ, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền của các trung tâm chiến tranh tâm lý, phá hoại tư tưởng phương Tây và các thế lực thù địch, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam trên đường hội nhập.

Về xã hội, công tác đặc xá đã tiếp tục góp phần củng cố vững chắc niềm tin của những người phạm tội, gia đình họ và nhân dân vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vững tin vào bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chính sách đặc xá cùng với các chính sách ân xá, ân giảm và miễn, giảm hình phạt tù đối với người phạm tội được thực hiện

thường xuyên trong các trại giam đã có tác dụng thúc đẩy phạm nhân vững tâm, ra sức học tập, lao động, phấn đấu cải tạo tốt để được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, sớm trở về đoàn tụ với gia đình và tái hoà nhập cộng đồng. Ngay khi còn đang phải chấp hành bản án ở trong trại, được học tập chính sách khoan hồng của Nhà nước, nhiều phạm nhân đã có nhiều nỗ lực, quyết tâm cải tạo, rũ bỏ quá khứ, gột bỏ tâm lý chống đối để trở thành người lương thiện có ích cho xã hội. Nhiều phạm nhân đã có hành động xuất sắc quên mình bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân trong thiên tai, địch hoạ.

Nhìn từ góc độ kinh tế, công tác đặc xá và giảm án, tha trước thời hạn một số lượng không nhỏ phạm nhân hàng năm còn góp phần tiết kiệm một lượng đáng kể ngân sách Nhà nước, giảm áp lực cho các trại giam đang ngày càng quá tải. Đồng thời, tạo điều kiện cho các trại giam đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao chất lượng cải tạo, giáo dục phạm nhân, chuẩn bị các cơ sở cần thiết cho họ tái hoà nhập cộng đồng khi mãn hạn tù.

Có thể nói, kết quả thu được từ công tác đặc xá từ trước đến nay được toàn xã hội đồng tình, được quốc tế thừa nhận như một hành động có tính nhân đạo nhân văn cao cả và là một thắng lợi chính trị của Đảng và Nhà nước ta.

Sau khi trở về với gia đình, người được hưởng chính sách đặc xá tiếp tục được xã hội giúp đỡ tái hoà nhập cộng đồng. Tỷ lệ tái phạm trong số được đặc xá thấp hơn nhiều so với số phạm nhân mãn hạn tù.

1.4.3. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

BLHS năm 1999 ra đời đã khắc phục được nhiều hạn chế của BLHS năm 1985. Đặc biệt là lần đầu tiên vấn đề đặc xá được quy định trong Bộ luật hình sự (khoản 2 Điều 57). Như vậy, ngoài Điều 88 Hiến pháp năm 2013 quy định Chủ tịch nước có quyền đặc xá; Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, Chủ tịch nước

công bố quyết định đặc xá. Đặc xá không những được quy định tại Bộ luật hình sự 1999 mà còn được quy định trong Luật đặc xá năm 2007.

Đặc biệt hơn, Luật thi hành án hình sự có hiệu lực thi hành, công tác đặc xá tha tù trước thời hạn luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo thực hiện, đạt nhiều kết quả. Từ năm 1999 đến 2015 Chủ tịch nước đã quyết định khoảng 42 lần đặc xá.

Để phù hợp với sự phát triển của xã hội, thay thế, cụ thể hóa các văn bản dưới luật thành một đạo luật hoàn chỉnh và thống nhất nên Bộ luật hình sự năm 2015 ra đời. Nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, việc ra đời của Bộ luật hình sự 2015 xu hướng sẽ phải sửa đổi và hoàn thiện Luật thi hành án hình sự năm 2010 và Luật đặc xá năm 2007 để chế định đặc xá được áp dụng thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tiểu kết Chương 1

Qua nghiên cứu tìm hiểu các quan điểm, quan niệm về đặc xá, đại xá của một số tác giả của một số hệ thống pháp luật khá tiên tiến trên thế giới, trong đó có những hệ thống pháp luật có ảnh hưởng không nhỏ đối với việc xây dựng hệ thống pháp luật của chúng ta trước đây cũng như hiện nay trong việc kế thừa những tiến bộ về lập pháp cũng như một số tác giả trong nước quan tâm nghiên cứu, đề cập trong các công trình nghiên cứu hay các bài viết của mình. Các quan điểm trên làm cơ sở cho việc nghiên cứu về lý luận của đặc xá, đại xá của bản thân được sâu sắc và toàn diện hơn.

Tìm hiểu về khái niệm của đặc xá, đại xá từ đó rút ra các đặc điểm riêng của đại xá và đặc xá để qua đó có cơ sở so sánh, đối chiếu với một số chế định như miễn CHHP, giảm mức hình phạt đã tuyên, tha tù trước thời hạn có điều kiện. Đặc biệt, từ ý nghĩa của đặc xá, đại xá đã góp phần rất lớn trong công tác giáo dục, cải tạo phạm.

Các chế định đặc xá, đại xá hay miễn, giảm chấp hành hình phạt hay hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đều được quy định là các biện pháp tha miễn của Luật hình sự. Qua nghiên cứu, căn cứ vào hậu quả pháp lý thì đó là những chế

định độc lập với nhau.

Qua tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển; các đặc điểm hay các quan điểm khác nhau của đại xá, đặc xá; so sánh giữa đại xá, đặc xá với một số chế định khác liên quan đến việc tha, miễn việc thực hiện hình phạt tù và giúp bản nắm chắc hơn lý luận về đặc xá và đại xá, làm tiền đề để nghiên cứu qui định của pháp luật Việt Nam và một số quốc gia về đại xá và đặc xá trong Chương 2.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ

2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về đặc xá, đại xá

2.1.1. Quy định của BLHS năm 2015 về đặc xá, đại xá

Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo của Luật hình sự, biện pháp tha, miễn được quy định bên cạnh các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự hay loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. Phân tích bản chất pháp lý của các quy phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam, có thể xem “Biện pháp tha miễn trong luật hình sự là quy phạm hoặc chế định mang tính chất nhân đạo, phản ánh sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội và được cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền áp dụng chỉ trong một số trường hợp nhất định khi có đầy đủ các căn cứ và những điều kiện do pháp luật hình sự quy định”[11, tr 712]

Theo quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015 về các căn cứ miễn trách nhiệm hình sự. Cụ thể, tại điểm b khoản 1 quy định người phạm tội được miễn TNHS khi có quyết định đại xá. Như vậy, gặp trường hợp này, cơ quan tố tụng bắt buộc phải miễn TNHS cho người phạm tội. Điều này khác với quy định tại khoản 2 Điều 29 là nếu người phạm tội được đại xá thì đương nhiên được miễn TNHS còn các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 cũng là miễn TNHS nhưng chỉ có thể được miễn. Như vậy, căn cứ miễn TNHS là đại xá so với các căn cứ khác như: Người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội hay người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng nguy hiểm cho xã hội nữa...rất khác nhau và “khi có quyết định đại xá” lại rất quan trọng. Như vậy, miễn TNHS là một trong những chế định quan trọng trong luật hình sự nước ta, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời qua đó nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng và giúp họ trở thành người có ích cho xã hội. Mặc dù có ý nghĩa quan trọng như vậy nhưng khái niệm miễn TNHS

vẫn chưa được nhà làm luật nước ta ghi nhận chính thức trong pháp luật hình sự thực định.

Đây là những chế định tha miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội khi bị xét xử bằng một bản án có hiệu lực pháp luật và có một quyết định hình phạt cụ thể. Khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về chế định tha miễn trách nhiệm hình sự. Có thể cho rằng bản chất pháp lý của chế định miễn trách nhiệm hình sự là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện ở từng giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể, được áp dụng cho người phạm tội khi có đầy đủ căn cứ và những điều kiện nhất định được ghi trong pháp luật hình sự.

Còn miễn chấp hành hình phạt là sự hủy bỏ việc chấp hành hình phạt mà Tòa án đã tuyên trong bản án có hiệu lực pháp luật. Miễn chấp hành hình phạt được thực hiện ở giai đoạn thi hành án. Có nghĩa là đã có bản án quyết định hình phạt có hiệu lực pháp luật rồi mới xem xét miễn chấp hành hình phạt. *“Miễn chấp hành hình phạt là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện ở chỗ Tòa án vẫn quyết định hình phạt nhất định trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, nhưng không buộc người này phải chấp hành toàn bộ hình phạt ấy khi có đủ căn cứ và những điều kiện do pháp luật hình sự quy định”* [14, tr 790, 791]. Như vậy, đặc xá, đại xá là một trong những trường hợp để được miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 62 BLHS năm 2015 khi người bị kết án theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Khi bàn đến đặc xá, đại xá theo pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Đây là một trong những căn cứ miễn chấp hành hình phạt thì chủ thể có quyền là người hay cơ quan có quyền ban hành quyết định đặc xá. Quyền quyết định đặc xá là một quyền đặc biệt, thường do người đứng đầu Nhà nước thực hiện.

Cụ thể hơn, theo quy định tại Điều 62 BLHS năm 2015 đặc xá, đại xá được quy định là một trong những biện pháp miễn CHHP. “Người được miễn

chấp hành hình phạt khi được đặc xá hoặc đại xá”. Tuy nhiên, khác với các chế định như: Miễn, giảm, hoãn, tha tù và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt đối với người phạm tội thì do Tòa án quyết định, đặc xá cũng được quy định tại BLHS nhưng quyền quyết định đặc xá lại do Chủ tịch nước quyết định. Đây chính là điểm khác biệt giữa đặc xá và các chế định khác có liên quan khi thấy rằng họ đã ăn năn hối cải, quyết tâm cải tạo, nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng. Như vậy, Nhà nước đã tiết kiệm được kinh phí, sức lực của đội ngũ bảo vệ và quan trọng hơn là giảm tải trong các trại giam, trại tạm giam. Nhưng căn cứ để đặc xá là “tính không hợp lý, không cần thiết hoặc không có khả năng chấp hành hình phạt do người bị kết án đã hết nguy hiểm cho xã hội hoặc do tính chất nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội, do trạng thái sức khỏe của người phạm tội hoặc có tình tiết khác”[11, tr.536].

Nghiên cứu các chế định về miễn TNHS trong PLHS Việt Nam chúng ta thấy rằng khi ban hành BLHS năm 2015, các nhà làm luật cũng theo cách thức của BLHS năm 1999 là gộp chung những dạng của chế định miễn TNHS. Theo quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015 thì căn cứ miễn trách nhiệm hình sự bao gồm: Miễn TNHS do hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; khi có quyết định đại xá; miễn TNHS do chuyển biến của tình hình; miễn TNHS người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo; miễn TNHS do người phạm tội đã tự thú và lập công và một số dạng khác trong phần các tội phạm. Như vậy, đại xá là căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự, còn đặc xá là miễn chấp hành hình phạt.

Miễn TNHS khi có quyết định đại xá (khoản điểm b khoản 1 Điều 29 của BLHS 2015). Đây là một dạng miễn TNHS thuộc thẩm quyền áp dụng của cơ quan tiến hành tố tụng bao gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Như vậy, khi có văn bản đại xá thì bắt buộc các cơ quan này phải đình chỉ quá trình tố tụng và trả tự do cho người được đại xá.

Điều 62 BLHS năm 2015 quy định: “*Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt khi được đặc xá, đại xá*”. Đặc xá là một trong những trường hợp miễn chấp hành hình phạt. BLHS năm 2015 đã đưa trường hợp đại xá, đặc xá là

một trong những trường hợp được miễn chấp hành hình phạt lên khoản 1 Điều 62 theo bố cục của điều luật nhằm đề cao chế định đặc xá. Đó chính là đề cao quyền con người. Theo GS.TS Võ Khánh Vinh thì “*Nhà nước pháp quyền chỉ đúng nghĩa của nó khi được xây dựng trên cơ sở của các nguyên tắc đó, đặc biệt là nguyên tắc quyền con người*”[54, tr. 31].

Bộ luật hình sự năm 2015 quy định các trường hợp được miễn chấp hành hình phạt trong đó có trường hợp đặc xá. Tuy nhiên do đặc xá là trường hợp miễn chấp hành hình phạt đặc biệt do Chủ tịch nước quyết định do đó đặc xá được quy định trong hiến pháp và thẩm quyền quyết định đặc xá. Ngoài ra về trình tự, thủ tục, điều kiện đặc xá...được quy định trong luật đặc xá.

2.1.2. Quy định của Luật đặc xá năm 2007 về đặc xá

Chế định đặc xá được quy định trong Hiến pháp nhưng cũng chỉ nhắc đến trong phần quyền của Chủ tịch nước. Luật đặc xá được Quốc hội ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành vào ngày 01/3/2008. Đây là một bước tiến mới, một thành công trong tiến trình hoàn thiện pháp luật của Nhà nước ta. Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp của đất nước ta đã xây dựng thành công Luật đặc xá nhằm tạo ra một khung pháp lý cho nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, đối tượng và việc tổ chức thực hiện đặc xá ở nước ta. Được thay thế cho rất nhiều văn bản dưới luật quy định vấn đề này. Căn cứ vào Luật đặc xá thì vào những dịp trọng đại của đất nước Chủ tịch nước ban hành quyết định đặc xá cho từng đợt cụ thể. Mỗi lần đặc xá, ngoài việc áp dụng Luật đặc xá, tại Quyết định đặc xá sẽ quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện được đề nghị đặc xá rất cụ thể. Tựu chung lại, mong muốn của nhà làm luật là tìm ra con đường cho những người lầm lỗi trong quá khứ được hưởng sự khoan hồng của pháp luật nếu họ có hướng thiện và có ý chí quyết tâm sửa đổi lỗi lầm của mình.

Theo quy định tại Điều 3 Luật đặc xá năm 2007 hiện hành: “*Đặc xá là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước do Chủ tịch nước quyết định tha tù trước thời hạn cho những người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước hoặc trong trường hợp đặc biệt*”.

Qua nghiên cứu Luật đặc xá 2007 và các Quyết định đặc xá của các lần đặc xá cho thấy: Thời điểm đặc xá được quy định tại Điều 5 Luật đặc xá. Đặc xá được Chủ tịch nước quyết định thường vào các dịp nhân sự kiện trọng đại hoặc ngày lễ lớn của đất nước. Thường thì một năm một lần Chủ tịch nước quyết định đặc xá vào ngày Quốc khánh hay nhân dịp tết cổ truyền của dân tộc. Tuy nhiên, cũng có năm năm nước ta không tiến hành đặc xá cho các phạm nhân. Ngoài ra, trong trường hợp đặc biệt thì Chủ tịch nước quyết định đặc xá không phụ thuộc vào các thời điểm trên. Thời gian qua, trên cơ sở thực tiễn thực công tác đặc xá. Nhằm tạo điều kiện cho những người đang chấp hành hình phạt tù tại các trại giam, trại tạm giam chấp hành tốt. Luật đặc xá quy định thời điểm đặc xá và các đối tượng được hưởng đặc xá tương ứng với từng thời điểm, cụ thể như sau:

Đặc xá nhân sự kiện trọng đại hay ngày lễ lớn của đất nước. Trường hợp này áp dụng cho những người bị kết án tù có thời hạn hay tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn.

Đặc xá trong trường hợp đặc biệt, vì lý do đối nội, đối ngoại hay vì lý do đặc biệt khác. Trường hợp này được áp dụng đối với người bị kết tù có thời hạn, tù chung thân đang chấp hành hình phạt hoặc người bị kết án hoặc người bị kết án phạt tù đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Điều kiện được đề nghị đặc xá được quy định tại Điều 10 Luật đặc xá, cụ thể:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Luật đặc xá 2007 về kết quả cải tạo của người đề nghị xét đặc xá phải chấp hành tốt quy chế, nội quy của trại giam, trại tạm giam, tích cực học tập, cải tạo và trong quá trình cải tạo phải được xếp từ loại khá trở lên; khi được đặc xá không làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Đây là điều kiện rất quan trọng mang tính quyết định để xem xét, đề nghị đặc xá. Bởi vì, mục đích cuối cùng của hình phạt cũng nhằm giáo dục người chấp hành án trở thành người sống có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống và ngăn ngừa họ phạm tội mới. Quá trình người phạm tội chấp hành án tại các trại giam là quá trình lao động, cải tạo, giáo

dục. Kết quả của quá trình được thể hiện bằng việc xếp loại chấp hành án. Theo quy định tại thông tư số 40/2011/TT-BCA thì có thể xếp loại là: Loại tốt, loại khá, loại trung bình và loại kém. Mục đích của đặc xá là thể hiện sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước đối với người phạm tội nếu có đủ điều kiện nhưng phải đảm bảo khi người được đặc xá trở về có điều kiện hòa nhập với cộng đồng, xã hội, không tái phạm và không làm ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Việc chấp hành tốt quy chế, nội quy của trại giam, trại tạm giam là một điều kiện quan trọng hàng đầu vì đây là môi trường cải tạo, thử thách người phạm tội có hướng phấn đấu, tích cực học tập, lao động hay không. Đánh giá quá trình cải tạo của phạm nhân để thấy được họ có ăn năn hối cải không, có quyết tâm khắc phục khuyết điểm hay cố gắng sửa chữa lỗi lầm không. Và phải xem xét nếu họ được đặc xá có ảnh hưởng gì đến đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội không.

Điều kiện về thời gian chấp hành án: Luật đặc xá chỉ quy định mức thời gian tối thiểu để được đề nghị xét đặc xá cho một người đang chấp hành hình phạt tù. Tùy vào tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước hay do yêu cầu đối nội, đối ngoại trong từng thời điểm nhất định thì Chủ tịch nước sẽ quyết định đặc xá cùng đó điều luật cũng quy định về điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, bồi thường thiệt hại hoặc các nghĩa vụ dân sự khác. Thời gian để được xem xét đặc xá là điều kiện bắt buộc. Bởi lẽ, nếu thời gian đầu chấp hành án họ có thể cải tạo tốt nhưng chưa đủ để xét, phải căn cứ vào thời gian chấp hành án tương ứng với thời gian mà họ bị quyết định hình phạt. Theo điểm b khoản 1 Điều 10 Luật đặc xá, ít nhất là một phần ba thời gian đối với hình phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành hình phạt tù; ít nhất mười bốn năm đối với hình phạt tù chung thân. Người đang chấp hành hình phạt tù theo quyết định của Tòa án theo pháp luật là người bị kết án theo bản án còn “đã chấp hành hình phạt tù được một thời gian” đây chính là thời gian thực sự chấp hành hình phạt tù của người bị kết án bao gồm: Bị tạm giữ, tạm giam và thời gian chấp hành án. Thời gian này không kể thời gian được tại ngoại, được

hoãn, giảm hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, nếu có thì thời gian này được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Trong quá trình người chấp hành án lập thành tích xuất sắc hoặc để thực hiện chính sách nhân đạo của nhà nước đối với những người được hưởng ưu đãi của pháp luật. Để động viên khuyến khích họ, Luật đặc xá cũng quy định các trường hợp được Chủ tịch nước quyết định thời gian đã chấp hành hình phạt tù ngắn hơn thời gian đã chấp hành hình phạt tù của người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10.

Về trường hợp: “Trường hợp khác do Chủ tịch nước quyết định” thực tiễn hoạt động đặc xá các trường hợp được rút ngắn thời gian chấp hành án hình phạt tù so với các trường hợp bình thường là rất nhiều và đa dạng. Vì vậy, nội dung này là cần thiết và phù hợp về lý luận và thực tiễn.

Luật đặc xá có những quy định đặc biệt trong trường hợp người bị kết án phạt tù về các tội phạm về tham nhũng hoặc một số tội phạm khác. Đây là các tội có tính chất rất nghiêm trọng, dư luận xã hội lên án. Khi xem xét cho đặc xá thì ngoài những điều kiện như tội phạm thông thường như các tội trong nhóm tội xâm phạm sở hữu thì phải chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, bồi thường thiệt hại, án phí hoặc nghĩa vụ dân sự khác mới được đặc xá.

Tại khoản 2 Điều 10 quy định riêng về đặc xá trong trường hợp: Người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn có thể được xem xét quyết định thời gian đã chấp hành hình phạt tù ngắn hơn so với thời gian quy định trong những trường hợp như: Đã lập công lớn; bản thân hoặc gia đình có công với nước (điểm b khoản 2 Điều 10 Luật đặc xá); mắc bệnh hiểm nghèo; khi phạm tội là người chưa thành niên hoặc là người từ 70 tuổi trở lên...

Tuy nhiên, trong mỗi lần đặc xá thì tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước mà Chủ tịch nước quy định thêm một số điều kiện được hưởng đặc xá như: Là Nhà giáo nhân dân; Thầy thuốc nhân dân; Nghệ sỹ nhân dân; hay

người từ 60 tuổi trở lên mà thường xuyên đau ốm, không tự phục vụ được bản thân...

Về các trường hợp không được đề nghị đặc xá: Theo quy định tại Điều 11 các trường hợp không đề nghị đặc xá chỉ nêu những trường hợp không được đề nghị đặc xá điển hình. Cụ thể: Người có đủ điều kiện quy định tại Điều 10 của Luật đặc xá không được đề nghị đặc xá trong các trường hợp như bản án hoặc quyết định của Tòa án đối với người đó đang có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác; trước đó đã đặc xá; có từ 02 tiền án trở lên, trường hợp khác do Chủ tịch nước quyết định.

Ngoài các trường hợp quy định tại các khoản 1 đến 4 Điều 11 Luật Đặc xá thì tùy theo tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và tình hình tội phạm, tùy thuộc vào chủ trương của Đảng và Nhà nước mà quyết định cụ thể những trường hợp khác không được đề nghị đặc xá như phạm tội có tổ chức, băng, ổ nhóm hoạt động phức tạp; cầm đầu các vụ án mà dư luận xã hội quan tâm, phạm các tội về ma túy và phạm các tội có tiền sử nghiện các chất ma túy...Do vậy, việc quy định "*Trường hợp khác do Chủ tịch nước quy định*" tại khoản 5 Điều 11 là rất cần thiết, phù hợp với hoạt động đặc xá của Nhà nước ta trong thời gian qua. Trong các quyết định về đặc xá của Chủ tịch nước đều dành riêng một điều để quy định cụ thể về các trường hợp không được đề nghị đặc xá.

Thực tiễn qua các đợt đặc xá trong thời gian qua cho thấy việc áp dụng quy định tại Điều 11 Luật đặc xá không gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Quy định này cũng được quy định cụ thể trong Quyết định về đặc xá và hướng dẫn của từng lần đặc xá. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 11 Luật đặc xá còn khá chung chung, mức độ hành vi phạm tội và tính chất của tái phạm cần được nghiên cứu để bổ sung cho phù hợp hơn, bởi vì tuy người chấp hành án có nhiều tiền án nhưng những tiền án này là những tội phạm ít nghiêm trọng, mức hình phạt thấp như trộm cắp vặt. Tự bản thân họ ý thức được vi phạm pháp luật là sai trái và trong quá trình cải tạo giáo dục đạt loại tốt và khá nhưng cũng không được xem

xét để được đề nghị đặc xá. Vì vậy, cần phải quy định rõ ràng, cụ thể hơn như: Có từ 02 tiền án phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Về trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đặc xá: Tuy đã được quy định tại Điều 15 Luật đặc xá vẫn phải căn cứ vào quyết định đặc xá của từng lần và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đặc xá được giao nhiệm vụ cho Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm rà soát, lập danh sách và chuẩn bị hồ sơ những trường hợp đủ điều kiện đặc xá

Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm rà soát, lập danh sách và hồ sơ người đang chấp hành hình phạt tù có đủ điều kiện đề nghị đặc xá theo quy định của pháp luật, thông báo, niêm yết công khai danh sách người được đề nghị đặc xá tại trại giam, trại tạm giam và làm văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét.

Còn trong trường hợp tại trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại tạm giam thuộc quân khu và tương đương có trách nhiệm rà soát, lập danh sách và hồ sơ người đang chấp hành hình phạt tù có đủ điều kiện đề nghị đặc xá theo quy định của pháp luật, báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh, Tư lệnh quân khu và tương đương. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Tư lệnh quân khu và tương đương xét duyệt danh sách, đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét. Giám thị trại tạm giam thông báo, niêm yết công khai danh sách này tại trại tạm giam.

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị đặc xá thì những người có nhiệm vụ lập hồ sơ nêu trên có trách nhiệm lập danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá để trình Hội đồng tư vấn đặc xá xem xét. Hồ sơ được Cơ quan thẩm định liên ngành và trình hội đồng tư vấn đặc xá xem xét.

Như đã phân tích ở phần trên, theo BLHS năm 2015 thì những bị án có rất nhiều cơ hội để được tha tù, giảm án. Do vậy, cần thiết phải quy định thời gian

cải tạo trong các cơ sở giam giữ đủ dài để họ có điều kiện học tập, cải tạo, hoàn lương. Điều kiện về thời gian theo quy định tại Điều 10 có thể là: “Đã chấp hành án được một phần hai thời gian đối với hình phạt tù có thời hạn và thời gian mười lăm năm đối với tù chung thân” thay vì “một phần ba và mười bốn năm” như luật hiện hành.

Việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt cho Nhà nước, tiền bồi thường thiệt hại, các nghĩa vụ dân khác và cả tiền phạt, án phí là một phần rất quan trọng trong công tác thi hành án hình sự. Việc người có hành vi nguy hiểm cho xã hội phải bị pháp luật trừng trị bằng hình phạt nhưng hậu quả của hành vi đó gây ra thiệt hại rất lớn về vật chất cho Nhà nước và nhân dân. Vì vậy, điều kiện được đặc xá phải là *“đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, bồi thường thiệt hại, án phí hoặc nghĩa vụ dân sự khác”* thay thế cho điều kiện này chỉ áp dụng cho một số loại tội phạm như Luật đặc xá hiện hành.

Về điều kiện đã lập công lớn, Luật đặc xá năm 2007 và các quyết định đặc xá đều quy định rất chung chung. Hiểu như thế nào là *“lập công lớn”* cũng là một vấn đề.

Tình tiết *“Đã lập công”* theo quy định tại tiểu mục 2.2, mục 2 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao nêu: *“đã lập công”* là trường hợp lập công lớn hoặc người bị kết án có thành tích xuất sắc trong cuộc sống, trong sản xuất, chiến đấu, học tập, công tác được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận. Lập công và lập công lớn là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên, tại văn bản này lại cho rằng đã lập công là lập công lớn. Trong khi đó, Thông tư liên tịch số 09/2012/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 16/8/2012 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, TAND tối cao, VKSND tối cao hướng dẫn việc giảm, miễn thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại đã giải thích, phân biệt lập công, lập công lớn và bổ sung thêm một số trường hợp như: Cứu được tài sản có giá trị từ ba mươi triệu đồng trở lên của Nhà nước, tập thể, công dân trong thiên tai, dịch bệnh, tai nạn. Chính giải

thích này dẫn đến tình trạng áp dụng rất tùy tiện, không thống nhất, gây tranh cãi và không đúng với tinh thần điều luật.

Do vậy, kiến nghị cần quy định rõ một trong số điều kiện về lập công lớn như sau: *“cứu được tính mạng người khác hoặc tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc khó khăn đặc biệt khác của xã hội”*.

Tuy nhiên, khi áp dụng điều kiện này phải cẩn trọng, tránh gây hiểu lầm, gây bức xúc hay dư luận xấu về tư tưởng *“dùng tiền để giảm án, tha tù”*.

Cần cụ thể hóa các điều kiện như: *“mắc bệnh hiểm nghèo”*, *“lâm vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn”* hay thuộc *“đối tượng gia đình có công với nước”* để việc áp dụng thống nhất.

Khái niệm *“mắc bệnh hiểm nghèo”* theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao là các trường hợp theo kết luận của Bệnh viện cấp tỉnh trở lên xác định người bị kết án đang bị những căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng, khó có phương thức chữa trị. Tuy nhiên, *“mắc bệnh hiểm nghèo”* được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 09/2012/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 16/8/2012 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, TAND tối cao, VKSND tối cao chính là những căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng, khó có phương thức chữa trị, như: Ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ chướng, lao nặng độ 4 kháng thuốc, bại liệt, suy tim độ 3, suy thận độ 4 trở lên, HIV giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội không có khả năng tự chăm sóc bản thân và có nguy cơ tử vong cao. Các loại *“bệnh hiểm nghèo”* này lại là điều kiện được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong trường hợp người bị kết án *“bị bệnh nặng”* hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2006/TTLT ngày 18/5/2006 của Bộ Công an, TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế và đồng thời là điều kiện để được hoãn chấp hành hình phạt tù hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Như vậy, có thể thấy rằng, hướng dẫn về *“mắc bệnh hiểm nghèo”* và *“bị bệnh nặng”* đã đồng nhất với nhau giữa các loại bệnh

mà người bị kết án mắc phải. Do vậy, cần thiết liệt kê bệnh hiểm nghèo như: *“Ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ chướng, lao nặng độ 4 kháng thuốc, bại liệt, suy tim độ 3, suy thận độ 4 trở lên, HIV giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội không có khả năng tự chăm sóc bản thân và có nguy cơ tử vong cao”*.

“Lâm vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn” là thực hiện nguyên tắc nhân đạo và truyền thống văn hóa dân tộc do vậy, cần hướng dẫn cụ thể, bổ sung vào điều kiện được hưởng đặc xá là hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là gì có thể là do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn hay có bố, mẹ, vợ, chồng, con mắc bệnh nặng, kéo dài, không có người chăm sóc mà bản thân là lao động duy nhất trong gia đình.

Năm là, cần cụ thể hóa các điều kiện được hưởng đặc xá không được quy định tại Điều 10 Luật đặc xá năm 2007 mà được quy định tại các Quyết định đặc xá theo từng đợt như trường hợp được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 2230/2016/QĐ-CTN ngày 17/10/2016 như sau: *“Nữ phạm nhân đang có thai hoặc có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang ở với mẹ trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ. Và cần đưa vấn đề này vào điều kiện được đặc xá nhằm thể hiện rõ hơn tính chất đặc biệt, khoan hồng đặc biệt của chế định này, phù hợp với luật pháp quốc tế.*

Chế định chế định đặc xá, đại xá trong pháp luật hình sự nước ta (BLHS năm 1999, Luật đặc xá năm 2007) đã đáp ứng được nhiệm vụ chính trị - pháp lý của Nhà nước trong thời gian qua, đã giải quyết một mặt tích cực của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nhưng mặt khác vẫn còn đó những tồn tại bất cập do thực tiễn mang lại mà *“pháp luật, dù hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết được tất cả những hoàn cảnh của của cuộc sống”* [48-tr.209]. Do đó việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật đặc xá trong tình hình mới với giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và *“coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự..., đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình*

phạt cải tạo không giam giữ...” mà Nghị quyết 49 NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định.

Như vậy, Luật đặc xá ra đời góp phần rất lớn trong việc thực hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội nếu họ đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo luật định để được hưởng đặc xá. Cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội đất nước thì vấn đề cập nhật, hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta, trong đó có Luật đặc xá là một tất yếu, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và trên thế giới.

2.2. Quy định của pháp luật một số nước về đặc xá, đại xá

2.2.1. Pháp luật Liên bang Nga

Theo quy định của BLHS Liên bang Nga năm 2001 thì đặc xá, đại xá được hiểu như là sự ân xá hay tha thứ (pardon, perdonare). Trong những năm gần đây, vấn đề đặc xá ở Liên bang Nga thu hút được nhiều sự chú ý của công chúng. Tham khảo các nghiên cứu về bản chất của chế định ân xá ở Nga để làm rõ khái niệm của nó.

Đặc xá, đại xá là một vấn đề pháp lý quan trọng. Nó chiếm một vị trí đặc biệt trong các loại giảm nhẹ hình phạt, là áp dụng theo quyết định của Tổng thống Nga. Trong khía cạnh này, thì tương tự như một sự tha thứ, ân xá được thông qua bởi Duma Quốc gia (Hạ viện Nga) và Hội đồng Liên bang (Thượng viện Nga). Theo đó, bản chất pháp lý của ân xá là một định chế pháp lý phức tạp được quy định trong pháp luật hình sự liên bang Nga như Hiến pháp và Luật hình sự.

Các nội dung của ân xá – tha thứ bao gồm việc bãi bỏ án tử hình đối với bất kỳ lỗi, đối với bất kỳ hành vi phạm tội, hủy bỏ hoặc giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo đã bị kết án.

Quyền của Tổng thống Liên bang Nga thực hiện việc ân xá (đặc xá) bao gồm quyền: Ban hành một đạo luật khoan hồng; yêu cầu thực hiện các công việc của cơ quan công quyền. Như các nhiệm vụ tương ứng trong các mối quan hệ pháp lý là nghĩa vụ chính trị và pháp lý của Tổng thống để sử dụng các quy

phạm pháp luật được quy định trong Hiến pháp, Bộ luật hình sự của Liên bang Nga, cũng như nghĩa vụ của cơ quan công quyền để thực thi các thủ tục về đặc xá.

Theo quy định tại Điều 69, 84, 85 của BLHS liên bang Nga, quyết định hình phạt các loại sau đây và phân loại theo từng yêu cầu của từng loại tương ứng của đặc xá:

1. Đặc xá cho người bị kết án phạt tù:

a. Miễn trách nhiệm hình sự;

b. Giảm hình phạt;

c. Thay thế hình phạt với một hình phạt nhẹ hơn.

2. Đặc xá cho người bị kết án tử hình:

a. Thay thế hình phạt tử hình bằng tù chung thân;

b. Thay thế hình phạt tử hình bằng tù có thời hạn là 25 năm.

3. Đặc xá cho những người đã chấp hành xong hình phạt thì có thể được xóa án tích.

Đặc xá được thực hiện với nhiều đối tượng đang chấp hành án. Thứ nhất, nếu thực hiện đặc xá như một sự thay thế của một hình phạt khác nhẹ hơn (khoan hồng nhẹ hơn) trên cơ sở khoản 2, Điều 85 BLHS, Tổng thống Liên bang Nga có thể chọn các loại và mức độ của một hình phạt nhẹ hơn, trong trường hợp này, pháp luật quy định chọn đã được quy định tại khoản 3 Điều 59 của BLHS thì tử hình trong trường hợp được đặc xá có thể được thay bằng tù chung thân hay tù có thời hạn hai mươi lăm năm.

Thứ hai, nếu áp dụng đặc xá thì có thể được rút ngắn quá trình chấp hành án.

Thứ ba, nếu một người được hưởng đặc xá theo quyết định của Tổng thống Liên bang Nga thì sau khi quyết định đặc xá có hiệu lực thì đây là thời điểm đặc xá được thi hành.

Các nhà khoa học cho rằng cần phải thu hẹp thẩm quyền của tổng thống liên bang Nga trong việc quyết định đặc xá như: Bằng văn bản của Tổng thống

sẽ có những hướng dẫn đặc xá, đối với từng đối tượng và theo đề xuất của các cơ quan chuyên môn không chỉ dựa trên các quy định của Điều 85 của BLHS, trong đó coi trọng đặc xá, nhưng cũng có những quy định trong Phần chung của BLHS, thiết lập các căn cứ đặc xá khỏi sự trừng phạt đó là “miễn chấp hành hình phạt có điều kiện trước thời hạn” (Điều 79 của BLHS), thay thế hình phạt nhẹ hơn (thay đổi phần thời gian còn lại của hình phạt đã áp dụng bằng hình phạt nhẹ hơn” (Điều 80 của BLHS), “miễn CHHP do thay đổi hoàn cảnh” (Điều 80-1 của BLHS), “miễn CHHP do bị bệnh tật” (Điều 81 của BLHS). Như vậy, cách tiếp cận này làm hạn chế đáng kể quyền hạn của người đứng đầu Nhà nước trong các quyết định về tha thứ, nhưng quan trọng hơn, nó không dựa trên những quy định của Hiến pháp và BLHS.

Trình tự áp dụng thủ tục đại xá được ban hành bởi Hội đồng Duma Quốc gia có những quy định riêng. Chúng được xác định bởi các cơ quan (tổ chức) thực hiện các thủ tục đại xá cho việc áp dụng và thi hành quyết định về đại xá. Ví dụ, trong các Nghị quyết của Quốc hội việc áp dụng Nghị quyết của Duma Quốc gia, của Hội đồng Liên bang của Liên bang Nga "Quyết định ân xá nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập của Duma Quốc gia Nga", bao gồm các cơ quan sau đây được áp dụng ân xá: Nhà tù và các Trại giam; Cơ quan điều tra và Điều tra sơ bộ; Viện kiểm sát; Tòa án và các cơ quan nội chính.

Tại Điều 85, BLHS Liên bang Nga quy định đặc xá các loại hình phạt bao gồm: Phạt tiền; tước quyền đảm nhiệm một số chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (loại hình trên được áp dụng vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung); tước quân hàm, danh hiệu chuyên môn, các danh hiệu vinh dự khác, huân huy chương cấp nhà nước (loại hình trên được áp dụng vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung); lao động bắt buộc; lao động cải tạo; hạn chế quân vụ; hạn chế tự do; giam; quản chế trong các đơn vị kỷ luật quân đội; tù có thời hạn; tù chung thân và tử hình”.

Như vậy, các quy định của Điều 84 và 85 của BLHS khi nói đến khả năng miễn phạt "đặc xá hay đại xá" để có trong các khái niệm chung của hình phạt

được ghi trong Điều 43 của BLHS. Các hình phạt áp dụng đối với người bị kết án về một tội phạm, và được quy định trong Bộ luật này đã tước hoặc hạn chế các quyền và tự do của con người. Từ khái niệm chung của sự trừng phạt đến lập pháp, đã được bảo đảm trong Điều 44 trong BLHS, bao gồm cả hình phạt cả chính (cơ bản) và hình phạt bổ sung.

Luật hình sự quy định rằng việc ân xá do Tổng thống Liên bang Nga liên quan đến quy định riêng người (khoản 1, Điều 85 của BLHS ..); xác định các loại hành vi khoan hồng - miễn trừng phạt hơn nữa cho cả một giảm hình phạt hoặc thay thế nhẹ hơn, nếu chấp hành xong hình phạt mà được đặc xá thì được xóa án tích (khoản 2, Điều 85 của BLHS); quy định việc thay thế án tử hình bằng cách tha tù hoặc phạt tù hai mươi lăm năm (khoản 3 điều 59 của BLHS).

Theo quy định tại Điều 84 BLHS, đại xá do Duma quốc gia Liên bang Nga, tức là Hạ viện (Cơ quan lập pháp) tuyên bố đối với một nhóm người không xác định danh tính. Đại xá có thể áp dụng với số lượng người bị kết án phạt tù khi có đủ điều kiện.

Đại xá được áp dụng cho “người phạm tội” trong trường hợp điều tra, truy tố và xét xử. Nếu có văn bản đại xá mà người phạm tội trong giai đoạn điều tra thì có thể được miễn TNHS. Trong trường hợp đã bị kết án và đang trong giai đoạn thi hành án (án đã có hiệu lực pháp luật và có quyết định thi hành án) thì có thể được miễn CHHP hoặc hình phạt đối với họ có thể được rút ngắn hoặc được thay bằng hình phạt nhẹ hơn, hoặc những người này có thể được miễn hình phạt bổ sung. Những người chấp hành xong hình phạt thì có thể được xóa án tích.

Còn đặc xá được Tổng thống Liên bang Nga, với tư cách là nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu Nhà nước ra Sắc lệnh quyết định đối với một nhóm người xác định danh tính. Vấn đề này, đặc xá và đại xá quy định giống nhau vì đều được áp dụng cho một nhóm người phạm tội cụ thể.

Tuy nhiên, đặc xá chỉ áp dụng cho “người bị kết án”. Do vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mới được áp dụng đặc xá. Người bị kết án có thể được miễn CHHP còn lại hoặc hình phạt đối với họ có thể được rút ngắn hoặc được

thay bằng hình phạt nhẹ hơn. Do vậy, Người đang chấp hành án nếu đủ điều kiện được đặc xá thì họ có thể được thay đổi bằng hình phạt nhẹ hơn. Người đã chấp hành xong hình phạt thì có thể được xóa án tích thông qua văn bản đặc xá (Điều 85).

Nếu người nào chấp hành xong hình phạt mà được đại xá hoặc đặc xá thì coi như không có tiền án.

Phân tích so sánh đặc xá và đại xá theo quy định của Điều 84 và 85 của BLHS. Đại xá có thể liên quan đến một số lượng lớn người đang chấp hành án để giảm thiểu số lượng người đã phạm tội (khoản 1 Điều 84), cụ thể là, khi lệnh đại xá được ban hành thì có thể miễn phạt bổ sung. Điều này được dựa trên thực tế rằng các quy định của Điều 84 của BLHS quy định: "... Đối với những người bị kết án do thực hiện tội phạm thì có thể được miễn chấp hành hình phạt hoặc hình phạt đã áp dụng có thể được rút ngắn hoặc được thay bằng hình phạt nhẹ hơn, hoặc những người này có thể được miễn chấp hành hình phạt bổ sung. Còn những người đã chấp hành xong hình phạt thì có thể được xóa bỏ án tích thông qua văn bản đại xá"(khoản 2 Điều 84).

Như vậy, quy định đặc xá, đại xá trong BLHS Liên bang Nga tương đối cụ thể và đơn giản về căn cứ, điều kiện, loại hình phạt áp dụng.

2.2.2. *Pháp luật Nhật Bản*

Hiến pháp Nhật Bản quy định Hoàng đế thay mặt nhân dân thực hiện ân xá, giảm án, hoãn thi hành án và khôi phục quyền công dân. Còn Nội các có chức năng quyết định ân xá, giảm tội, miễn tội, khôi phục quyền công dân. Do vậy, Hiến pháp Nhật Bản quy định người thực hiện đặc xá là Hoàng đế và cơ quan có quyền quyết định đặc xá là Nội các.

BLHS Nhật Bản công bố ngày 24/4/1907, có hiệu lực ngày 01/10/1908. Tuy nhiên, không phải tất cả tội phạm và hình phạt đều được quy định trong Bộ luật này. "Có những tội danh được quy định tại các luật và pháp lệnh khác, trừ các văn bản luật hoặc pháp lệnh đó có quy định khác (Điều 8 BLHS)" [21, tr.4,5] đó là Luật hình sự chuyên ngành điều chỉnh một số loại tội phạm và một số vấn

đề khác có liên quan đến Luật hình sự. Chính vì vậy, nguồn của Luật hình sự Nhật Bản còn dẫn chiếu trở lại từ các văn bản luật khác có quy định về tội phạm và hình phạt (Điều 8).

BLHS Nhật Bản chỉ quy định về đại xá tại Điều 52: “Khi một người bị kết án về nhiều tội đã được khoan hồng theo quyết định đại xá đối với bất cứ tội nào trong số các tội đã bị kết án, thì hình phạt được quyết định lại đối với những tội không được đại xá”. Đại xá tại Nhật Bản chỉ được đề cập đến trong vấn đề phạm nhiều tội. Theo đó, trong trường hợp phạm nhiều tội thì tội nào không được đại xá sẽ quyết định hình phạt bình thường. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự Nhật Bản cũng không có khái niệm về đại xá.

Hệ thống hình phạt của BLHS Nhật Bản bao gồm các loại hình phạt như: Tử hình; tù giam; cấm cố; phạt tiền; giam giữ và phạt tiền mức nhẹ là các hình phạt chính; còn thu giữ là hình phạt bổ sung (Điều 9).

Cũng giống một số nước trên thế giới, biện pháp miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật Nhật Bản thường được nhắc đến bằng các tên gọi như *phúng thích* (parole) hay *trả tự do có điều kiện* (conditional release)... đây là việc trả tự do sớm đối với người đang chấp hành hình phạt tù; sau khi được trả tự do, người đó phải tuân thủ một số điều kiện nhất định do cơ quan có thẩm quyền xác định trong một thời gian tạm gọi là thời gian thử thách [47, tr.59,66].

Như vậy, đại xá được pháp luật hình sự nhắc đến như là một chế định. Quy định về vấn đề này rất hạn chế và chỉ có trong Hiến pháp và Bộ luật hình sự.

2.2.3. Pháp luật Trung Quốc

Hệ thống hình phạt quy định trong BLHS Trung Quốc năm 1997 với hai loại hình phạt chính và bổ sung. Các hình phạt chính bao gồm: Quản chế; cải tạo lao động; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình. Các hình phạt bổ sung bao gồm: phạt tiền; tước các quyền lợi chính trị; tịch thu tài sản. Các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng độc lập (từ Điều 52 đến Điều 62 BLHS).

Pháp luật hình sự Trung Quốc không quy định chế định đại xá mà chỉ quy

định về đặc xá. Đặc xá là quyền của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, được ghi nhận tại Điều 67 mục (17) của Hiến pháp nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa: “Quyết định đặc xá” để khoan hồng cho những người bị kết án được hưởng chính sách khoan hồng đặc biệt của Nhà nước.

Bộ luật hình sự Trung Quốc không đưa ra khái niệm như thế nào là đặc xá. Không quy định trình tự, thủ tục áp dụng đặc xá. Do vậy, việc nghiên cứu về đặc xá trong pháp Luật hình sự Trung Quốc gặp rất nhiều khó khăn. Vấn đề đại xá không được quy định trong pháp luật hình sự Trung Quốc.

Trong Bộ luật hình sự Trung Quốc chỉ nhắc đến đặc xá (ân xá) tại chương IV: Áp dụng hình phạt. Trong đó, tại mục “tái phạm” có quy định: Người bị xử phạt tù có thời hạn trở lên, trong vòng năm năm nếu sau khi chấp hành án xong hoặc được đặc xá mà lại phạm tội và sẽ bị xét xử tù có thời hạn trở lên thì tội bị xét xử trước đó gọi là tái phạm và phải chịu mức hình phạt nặng. Tuy nhiên, trường hợp này không áp dụng cho phạm tội do vô ý.

Đối với trường hợp phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì sau khi chấp hành xong hình phạt hoặc được hưởng đặc xá mà lại phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia thì trường hợp này bị coi như tái phạm mặc dù thời gian dài sau khi chấp hành xong hình phạt hay sau khi được đặc xá. Vấn đề này được ghi nhận tại Điều 66 Bộ luật hình sự.

Bộ luật hình sự ngoài việc áp dụng chế định đặc xá để tha, miễn cho người phạm tội nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước, của pháp luật. Đã áp dụng một số hình thức sau nhằm thể hiện sự khoan hồng đối với những người chấp hành án có sự phấn đấu tốt, quyết tâm sửa chữa lỗi lầm.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự Trung Quốc còn áp dụng một số chế định về tha, miễn cũng nhằm mục đích để khoan hồng cho người bị kết án.

Thứ nhất, Giảm hình phạt (Điều 78 BLHS): Việc giảm hình phạt phải bảo đảm được thời gian chấp hành hình phạt thực tế không được ít hơn một phần hai thời hạn đã tuyên trong bản án đối với người bị phạt quản chế, cải tạo lao động hoặc tù có thời hạn và không dưới mười năm đối với người bị phạt tù chung thân.

Trong thực tế, pháp luật hình sự nước này còn tuyên hình phạt tử hình đối với người bị kết án nhưng được tạm hoãn hai năm nếu thấy chưa cần thiết phải thi hành ngay. Trong thời gian tạm hoãn thi hành án, không phạm tội do có ý thì sau hai năm được thay bằng tù chung thân; nếu có biểu hiện hối cải, lập công sau khi đủ hai năm thì hình phạt tử hình có thể được thay thế bằng tù có thời hạn từ mười lăm năm đến hai mươi năm (Điều 50). Có thể nói, quy định này thực chất là tạm hoãn thi hành án và giảm hình phạt.

Tạm tha (từ Điều 81 đến Điều 86 BLHS): Chế định tạm tha theo BLHS Trung Quốc có những điểm khác biệt hơn so với quy định của Liên bang Nga về miễn chấp hành hình phạt có điều kiện trước thời hạn.

Đối tượng áp dụng: Tạm tha đối với những người bị kết án tù có thời hạn.

Tiêu chí áp dụng: Tạm tha chỉ áp dụng khi người bị kết án thực tế đã chấp hành được một phần hai thời hạn trở lên; người bị kết án tù chung thân đã thực tế chấp hành được mười năm trở lên, nếu tuân thủ đúng quy định của trại giam, chịu sự cải tạo giáo dục, có biểu hiện hối cải; và sau khi được tha không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Quy định việc tạm tha trong đạo luật này chặt chẽ, căn cứ vào từng đối tượng cụ thể: Người tái phạm hoặc phạm các tội giết người, đặt bom, cướp của, hiếp dâm, bắt cóc... hoặc các tội bạo lực khác nếu bị phạt tù từ mười năm trở lên hoặc tù chung thân thì không được tạm tha.

Như vậy, quy định về đặc xá theo BLHS Trung Quốc rất hạn chế, với chế định đặc xá chỉ được đề cập trong Hiến pháp là một quyền của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và quy định về tái phạm trong BLHS. Ngoài ra, không đưa ra khái niệm hay quy định về đối tượng, tiêu chí áp dụng, điều kiện áp dụng của đặc xá. Như vậy, đặc xá trong pháp luật hình sự Trung Quốc chỉ được nhắc đến như một chế định.

Tiếp nhận cho Việt Nam: Qua nghiên cứu vấn đề đặc xá, đại xá tại các nước trên thấy rằng hầu hết trong pháp luật của họ cũng không có khái niệm trong Bộ luật hình sự. Đặc xá là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước thì nên

chăng cũng cần có chế tài như pháp luật hình sự Trung Quốc nếu những đối tượng được đặc xá mà tái phạm.

Tiểu kết Chương 2

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, việc đưa ra khái niệm đặc xá, đại xá có ý nghĩa không chỉ trong việc hoàn thiện chế định này về mặt lập pháp hình sự, nhằm tiến tới sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đặc xá 2007 là một trong những định hướng quan trọng. Đặc xá, đại xá là những chế định pháp lý có ý nghĩa tổng hợp về chính trị - xã hội - pháp lý đặc biệt, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc ta đối với người phạm tội. Đặc xá, đại xá được cơ quan có thẩm quyền tuyên bố đối với người phạm tội nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn hay có sự kiện quan trọng của đất nước hoặc theo đơn xin ân giảm của người bị kết án, của thân nhân hay người đại diện cho người đó. Đặc xá, đại xá có ý nghĩa to lớn đối với người phạm tội, đối với gia đình, thân nhân người phạm tội và xã hội; đồng thời góp phần đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động âm mưu chống phá Nhà nước ta dưới chiêu bài tự do tôn giáo và nhân quyền; trong những năm gần đây, đặc xá còn có ý nghĩa kinh tế, giúp thu hồi tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Ở một số nước trên thế giới, ngoài đặc xá, đại xá được ban hành trong những dịp lễ lớn hoặc có sự kiện quan trọng của đất nước, đại xá có thể quyết định trước hoặc sau khi tòa tuyên án. Nếu áp dụng trước khi tuyên án, đại xá có thể hủy bỏ tính chất tội phạm của hành vi và trong trường hợp khác là giảm hình phạt. Mặc dù vậy, những người được đại xá vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ và điều kiện khác, như thực hiện đầy đủ trách nhiệm dân sự sau khi được đại xá. Việc áp dụng biện pháp này nhiều lần là để tăng cường an ninh xã hội sau một giai đoạn lịch sử bất thường; làm giảm bớt số lượng vụ án hình sự tăng đột biến gây quá tải trong các nhà tù. Chính vì thế đại xá được sử dụng như sự thay thế cho sự tăng cường cải cách hệ thống tư pháp hình sự, mà mục tiêu gắn liền với việc bảo vệ giá trị cơ bản của Hiến pháp, đáp ứng yêu cầu của xã hội công

dân thông qua việc giám sát việc áp dụng luật hình sự. Do vậy, nghiên cứu quy định về đặc xá, đại xá của các nước trên thế giới và dưới góc độ luật so sánh giúp chúng ta tiếp nhận những kinh nghiệm pháp lý trong lập pháp hình sự; để từ đó xây dựng, hoàn thiện chế định đặc xá, đại xá phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội và truyền thống pháp luật nước ta.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ TẠI TỈNH ĐỒNG NAI VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

3.1. Thực tiễn thực hiện đặc xá, đại xá tại tỉnh Đồng Nai

Đảng và Nhà nước ta vẫn rất quan tâm đến những người phạm tội thể hiện ở chính sách hình sự là: Nghiêm trị những kẻ nào đi ngược lại những chuẩn mực của cuộc sống nhưng cần thiết phải khoan hồng cho những người bị kết án nhưng đã nhận ra lỗi lầm và quyết tâm sửa chữa. Do vậy, Đảng và Nhà nước rất kiên trì công cuộc đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là sự đổi mới về kinh tế để hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh và nhất là tạo ra công bằng cho xã hội. Làm thước đo chuẩn mực về mặt pháp lý cũng như chuẩn mực về đạo đức. Để đạt được mục tiêu chiến lược này, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách hình sự.

Trong những năm gần đây, tỉnh Đồng Nai đã có sự phát triển mạnh mẽ trên tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là sự hình thành nhiều khu, cụm công nghiệp với tốc độ đô thị hóa nhanh. Bên cạnh những thành tựu đạt được thì hàng loạt các vấn đề bức xúc đang đặt ra dưới sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, như: Sự phân hóa giàu nghèo, bất công xã hội, sự suy thoái về đạo đức, lối sống; số người lao động từ tỉnh khác về tìm việc làm tại các khu công nghiệp, cộng theo số khách đến tham quan, du lịch, học tập; số doanh nhân đến làm ăn đầu tư tăng nhanh, kèm theo đó là các loại hình dịch vụ khác nhau có cơ hội phát triển.

Tình hình đó làm cho công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai càng có nhiều vấn đề phải quan tâm. Những tác động trên tiếp tục làm cho tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thêm phức tạp. Tình hình kinh tế, xã hội ngày càng phức tạp nhưng các cơ quan thực thi pháp luật, bảo vệ pháp luật đã phát huy hết khả năng phối kết hợp với toàn thể nhân dân nhằm trấn áp, ngăn ngừa và phòng chống tội phạm đạt kết quả cao. Kết quả là số lượng án hình sự tại địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày càng giảm về số vụ và người tham gia.

Qua thống kê số liệu tại TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến 2017 của toàn tỉnh gồm 02 cấp xét xử (sơ thẩm và phúc thẩm) thì giảm số vụ án đã đưa ra xét xử và giảm số lượng bị cáo bị xét xử. Năm 2013 là 2516 vụ/4362 bị cáo; năm 2014 là 2454 vụ/4314 bị cáo; năm 2015 là 2303 vụ/4333 bị cáo; năm 2016 là 2219 vụ/3564 bị cáo và năm 2017 là 1819 vụ/2994 bị cáo. Mặc dù số vụ và bị cáo đều giảm theo từng năm nhưng tính chất mức độ của hành vi phạm tội thì càng phức tạp, tinh vi.

Đồng Nai là tỉnh thuộc khu vực miền Đông Nam bộ. Trên địa bàn tỉnh có Trại giam Xuân Lộc đóng chân trực thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an quản lý. Đây là một trại giam có số lượng phạm nhân lớn là những người phải chấp hành án tù có thời hạn, tù chung thân của Tòa án các tỉnh khu vực Đông Nam bộ đã xét xử. Trong tỉnh có 01 Trại tạm giam trực thuộc Công an tỉnh và 11 Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Từ năm 2013 đến 2017 thực hiện chính sách đặc xá của Nhà nước ta, Tiểu ban xét đặc xá của Trại tạm giam Công an tỉnh đã thực hiện việc xét đặc xá 03 lần cho các phạm nhân vào năm 2013, năm 2015 và năm 2016.

Thông qua hoạt động xét xử án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm tại TAND tỉnh Đồng Nai đã góp phần trong việc thực hiện chính sách của Đảng, của Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh. Đây không những là hình thức mang tính pháp lý công khai mà còn là hoạt động thường xuyên của Tòa án, nhằm thực hiện quyền tư pháp mà Hiến pháp đã quy định. Ngoài ra, Tòa án còn thực hiện chức năng ở giai đoạn thi hành án đối với người bị kết án và đang chấp hành án.

Luận văn tổng hợp số liệu từ hai cấp xét xử án hình sự của toàn ngành TAND tỉnh Đồng Nai trong thời gian 05 năm từ 2013 đến 2017, đây là kết quả thống kê số liệu được thể hiện theo quy định của TAND tối cao. Tuy nhiên, tác giả không phân tích số án đã thụ lý các vụ án hình sự sơ thẩm hay các số vụ án đã thụ lý phúc thẩm mà đi sâu phân tích số án đã xét xử, số bị cáo đã bị xét xử trong khoảng thời gian trên trong số án đã xét xử thì Hội đồng xét xử đã quyết

định hình phạt như thế nào đối với các bị cáo được đưa ra xét xử và dùng kết quả này để so sánh, đối chiếu với số vụ án được xét xử. Cơ sở để so sánh, đối chiếu dựa trên những quyết định hình phạt như: Miễn TNHS hoặc miễn hình phạt; cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; cho hưởng án treo, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo; tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình. Từ đó, đối chiếu với số liệu thi hành án hình sự căn cứ trên số liệu đã ra quyết định, bao gồm: Tù giam; án treo; tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, hoãn chấp hành hình phạt tù với miễn chấp hành toàn bộ phạt tù, đặc xá; cải tạo không giam giữ; hoãn và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại; miễn chấp hành phần hình phạt còn lại là hình phạt bổ sung cấm cư trú, quản chế.

Bảng 3.1. Số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự của Ngành TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Thời gian (2013 đến 2017)	Số liệu đã xét xử		Tỷ lệ bị cáo/ trên số vụ án đã xét xử
	Vụ	Bị cáo	
2013	2.516	4.362	1.73%
2014	2.454	4.314	1.757%
2015	2.303	4.333	1.88%
2016	2.219	3.564	1.60%
2017	1.819	2.994	1.64%
Tổng số	11.311	19.567	1.729%
Bình quân	2.262,2	3.913,4	1.729%

Nguồn: TAND tỉnh Đồng Nai.

Kết quả số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự của toàn Ngành TAND tỉnh Đồng Nai (lấy tỷ lệ 100% số vụ án được thụ lý và đưa ra xét xử) cho thấy số lượng vụ án xét xử và bị cáo trong 05 năm, từ năm 2013 đến 2017 có sự giảm đều kể cả số vụ lẫn số bị cáo (xem bảng 3.1). Có năm, số vụ án được xét xử thấp nhưng số bị cáo bị kết án tăng như năm 2015 xét về tỷ lệ bị cáo được xét xử trên số vụ án, lần lượt dao động từ 1,60% đến 1,88%; phản ánh khuynh hướng giảm

dần năm sau thấp hơn năm trước. Với kết quả xét xử hàng năm giảm dần về số vụ án thì số bị cáo cũng giảm dần theo từng năm từ năm 2013 đến năm 2016 và đặc biệt năm 2017 chỉ còn 1819 vụ, giảm 400 vụ so với năm 2016. Số bị cáo cũng giảm theo tỷ lệ thuận năm 2013 là 4362 bị cáo nhưng đến năm 2017 chỉ còn 2994 bị cáo, giảm 1368 bị cáo. Qua số liệu này, nếu tính bình quân hàng năm, toàn Ngành TAND tỉnh Đồng Nai xét xử 2.262,2 vụ với 3.913,4 bị cáo chiếm tỷ lệ 1,729%.

Bảng 3.2. Số liệu thống kê thi hành án hình sự của Ngành TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ											
	Số phải ra quyết định	SỐ ĐÃ RA QUYẾT ĐỊNH										Tỷ lệ
		Tổng	Tù giam	Án treo	Tại ngoại	Ủy thác	Nhận ủy thác án treo	Hoãn chấp hành	Cải tạo không giam giữ	Tổng hợp hình phạt	Trung cầu giám định	
2013	3974	3974	2951	557	41	222	114	56	66	8	6	100
2014	3825	3825	3005	554	167	174	70	36	85	22	5	100
2015	3803	3803	3031	561	171	179	76	39	88	25	7	100
2016	3219	3219	2673	360	54	134	100	39	29	33	5	3,110
2017	5914	5914	1910	374	135	172	105	60	69	20	5	3175

Nguồn: TAND tỉnh Đồng Nai.

Bảng 3.3. Số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự và quyết định hình phạt từ năm 2013 đến năm 2017 của TAND tỉnh Đồng Nai

Thời gian (2013 đến 2017)	Số liệu đã xét xử		Số bị cáo bị kết án phạt tù có thời hạn	Số bị cáo bị kết án phạt tù chung thân	Số bị cáo bị kết án tử hình	Số bị cáo bị kết án không phải hình phạt tù
	Vụ	Bị cáo				
2013	2.516	4.362	3.390	10	8	954
2014	2.454	4.314	3.156	11	5	1.143
2015	2.303	4.333	3.212	10	6	1.105
2016	2.219	3.564	2.719	6	5	834
2017	1.819	2.994	2.126	0	7	858
Tổng số	11.311	19.567	14.603	37	31	4.894
Bình quân	2.262,2	3.913,4	74,63%	0,189%	0,158%	25%

Nguồn: *TAND tỉnh Đồng Nai.*

Qua số liệu trên cho thấy, số bị cáo bị kết án phạt tù có thời hạn; số bị cáo bị kết án phạt tù chung thân; số bị cáo bị kết án tử hình giảm hàng năm trên tổng số bị cáo bị Tòa án xét xử. Điển hình năm 2017 không có bị cáo nào ra quyết định hình phạt tù chung thân. Ngược lại, cũng trong năm 2017 thì quyết định hình phạt tử hình tăng 02 trường hợp.

Đối với số bị cáo bị kết án không phải hình phạt tù có sự biến động tăng, giảm liên tục qua các năm như năm 2014, 2015 tăng so với năm 2013 nhưng sau đó hai năm tiếp theo 2016, 2017 lại giảm dần.

Tổng kết, đánh giá số liệu xét xử để so sánh với số liệu số bị cáo thi hành án dưới đây và số liệu đặc xá để dự đoán tình hình tội phạm trong tương lai, mức độ tái phạm của các đối tượng được đặc xá. Đặc biệt hơn là BLHS năm 2015 ra đời và được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đây là một Bộ luật có nhiều thay đổi trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Cụ thể, BLHS 2015 đã bổ sung quy định về TNHS của pháp nhân thương mại phạm các tội trong lĩnh vực kinh tế,

môi trường; hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt khác theo hướng nhân đạo; bãi bỏ hình phạt tử hình ở một số tội và thi hành án tử hình theo phương thức mới là tiêm thuốc độc; hoàn thiện chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi...

Bảng 3.4. Số liệu thống kê số bị án phải ra quyết định và số đã ra quyết định

Thời gian (2013 đến 2017)	Số phải ra quyết định	Số đã ra quyết định			
		Tù giam	Tạm đình chỉ chấp hành	Hoãn chấp hành	Các loại quyết định khác
2013	3.974	2.951	10	56	957
2014	3.780	2.850	8	45	810
2015	3.803	3.031	07	39	726
2016	3.219	2.673	06	39	501
2017	5.914	1.910	09	60	3.935
Tổng số	20.690	13.415	40	200	6.929
Bình quân	4.138	2.683	5	40	1.385

Nguồn: TAND tỉnh Đồng Nai.

Công tác xét đặc xá tại địa phương là trách nhiệm của tiểu ban xét đặc xá, trong đó bao gồm các cơ quan cấp tỉnh như: Công an, Viện kiểm sát và Tòa án. Qua số liệu thu thập tại TAND tỉnh Đồng Nai như đã phân tích trên về tình hình xét xử và thi hành án tại TAND tỉnh Đồng Nai, TAND cấp huyện trên địa bàn tỉnh để thấy được tổng số bị cáo bị xét xử theo từng mức độ quyết định hình phạt khác nhau và số liệu thi hành án. Bản thân còn thu thập số liệu tại VKSND tỉnh Đồng Nai về kiểm sát thi hành án phạt tù để tham khảo như sau:

Kiểm sát đặc xá là một trong những chức năng, nhiệm vụ của ngành Viện kiểm sát là kiểm sát việc thực hiện trình tự lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện

Quyết định của Chủ tịch nước tại các Trại tạm giam, theo quy định của Luật đặc xá. Khi tiến hành kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, Viện kiểm sát phát hiện những trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị đặc xá thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan đó đề nghị đặc xá cho họ.

Từ số liệu án đã xét xử, số liệu đã ra quyết định thi hành án, căn cứ vào nguồn số liệu tại Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Đồng Nai về công tác thi hành án hình sự trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2017. Trong đó, đặc biệt chú ý đến số liệu đặc xá do Tiểu ban xét đặc xá của Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện đề nghị xét đối với các phạm nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo báo cáo tổng kết công tác xét đặc xá của Tòa án tỉnh và tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự của VKSND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017, trong đó, năm 2013, 2015 và năm 2016 Tiểu ban xét đặc xá đã tiến hành công tác xét đặc xá tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai và Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cho các phạm nhân thi hành án tại các cơ quan thực hiện nhiệm vụ thi hành án tại tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

Năm 2013: Tiểu ban xét đặc xá đã xem xét đề nghị của Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai là 64 phạm nhân; Cơ quan thi hành án cấp huyện là 16 phạm nhân. Tổng cộng là 80 phạm nhân. Ngày 30/8/2013 Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai đã tổ chức công bố quyết định đặc xá của Chủ tịch nước và trao giấy chứng nhận cho 80 phạm nhân.

Năm 2015: Tiểu ban xét đặc xá đã xem xét đề nghị của Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai và Cơ quan thi hành án cấp huyện tổng cộng là 117 phạm nhân. Xét 04 hồ sơ đặc xá trong trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án. Trong đó, có 01 trường hợp loại do không đủ điều kiện và được Hội đồng xét đặc xá chấp nhận. Tổng cộng hồ sơ đủ điều kiện đề nghị đặc xá năm 2015 là 120 trường hợp.

Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai đã tổ chức công bố quyết định đặc xá của Chủ tịch nước và trao giấy chứng nhận cho 120 phạm nhân. Riêng năm 2016 có 01 trường hợp và cũng được thực hiện thủ tục đặc xá đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào số lượng bị cáo bị xét xử hình phạt tù, số lượng bị cáo ra quyết định thi hành án phạt tù (tù có thời hạn và tù chung thân) và số lượng được đặc xá thì số phạm nhân đủ điều kiện để được đặc xá quá thấp. Hơn nữa, mỗi năm Chủ tịch nước đều ban hành quyết định đặc xá để khoan hồng, tha tù trước thời hạn cho các phạm nhân có thành tích và cải tạo tốt. Riêng năm 2017 Chủ tịch nước không tiến hành đặc xá do nhiều nguyên nhân. Nhưng theo thống kê của Tiểu ban xét đặc xá thì Đồng Nai chỉ tiến hành đặc xá 03 lần là năm 2013, 2015 và năm 2016. Số lượng phạm nhân đủ điều kiện được đề nghị đặc xá cũng rất hạn chế. Trong vòng 05 năm từ 2013 đến 2017 chỉ là 201 phạm nhân. Con số này để so sánh với số quyết định thi hành án phạt tù ban hành trong vòng 05 năm là 20.690 người. Tuy số liệu so sánh có phần không phù hợp về thời gian nhưng do mức hình phạt được tuyên đối với mỗi bị cáo là khác nhau và dao động từ 03 tháng tù đến tù chung thân. Thời gian để xét đặc xá ngoài những điều kiện khác còn phải căn cứ vào một điều kiện rất quan trọng đó là phải chấp hành hình phạt tù ít nhất một phần ba thời gian đối với hình phạt tù có thời hạn; ít nhất mười bốn năm đối với hình phạt tù chung thân. Do vậy, có thể dùng số liệu trên để so sánh với số liệu phạm nhân được đặc xá tại tỉnh Đồng Nai chỉ một cách tương đối. Nhưng cũng thể hiện được rằng số lượng phạm nhân được xét đặc xá là rất hạn chế.

Ngoài ra, trong quá trình tìm hiểu vấn đề đặc xá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bản thân có thu thập được số liệu phạm nhân được xét đặc xá và số phạm nhân được xét giảm thời gian chấp hành hình phạt tù (giảm án) tại Trại giam Xuân Lộc từ năm 2013 đến 2016 (năm 2017 không tiến hành đặc xá) để nắm được tình hình đặc xá đối với phạm nhân của khu vực Đông Nam bộ được giam giữ tại Đồng Nai như sau:

Bảng 3.5. Số liệu thống kê đặc xá, giảm thời gian chấp hành hình phạt tù của Trại giam Xuân Lộc từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	Đặc xá	Giảm thời gian chấp hành hình phạt tù
2013	498	2698
2014	04	2806
2015	522	3026
2016	96	2811
2017	0	2890

Nguồn: *Trại giam Xuân Lộc*.

Căn cứ số liệu đặc xá trên cho thấy, số lượng phạm nhân được đề nghị đặc xá của từng năm rất thấp. Năm 2015 nhiều nhất là 522 phạm nhân nhưng năm 2014 chỉ có 04 phạm nhân. Căn cứ vào số liệu trên cũng không thể khẳng định rằng năm 2014 phạm nhân tại trại giam Xuân Lộc vi phạm nhiều, không cải tạo tốt. Như đã phân tích ở phần trên, số lượng phạm nhân được xét đặc xá là xét cả giai đoạn. Do vậy, nếu năm trước đã xét rồi thì năm sau số lượng sẽ giảm hoặc ngược lại.

3.2. Hạn chế, thiếu sót trong việc thực hiện đặc xá và nguyên nhân

Qua số liệu thống kê về tình hình áp dụng pháp luật hình sự để miễn chấp hành hình phạt và miễn chấp hành hình phạt do được đặc xá cho thấy rằng, với 19.567 bị cáo được đưa ra xét xử và bị kết án trong tù từ năm 2013 đến 2017 là rất lớn, so với các tỉnh, thành khác trong cả nước. Tuy nhiên, số lượng người bị kết án được đặc xá tại Đồng Nai theo khuynh hướng ngược lại và số người được miễn CHHP cũng tỷ lệ nghịch với số lượng người bị kết án. Điều đó cho thấy việc phân hóa tội phạm trong quá trình quyết định hình phạt và lựa chọn loại hình phạt phù hợp để áp dụng đối với người phạm tội là chưa có sự thống nhất, nặng về trừng trị hơn là giáo dục.

Đáng lưu ý, số người được hoãn và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù với có 291 trường hợp, chiếm tỷ lệ 0,014%. Đây là đối tượng được miễn chấp hành hình phạt, hay miễn phần hình phạt còn lại theo khoản 3 và khoản 4 Điều 57 BLHS năm 1999 nhưng trong 05 năm chưa có trường hợp nào được xét để miễn chấp hành hình phạt. Trong số 233 người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt hầu hết là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và không thuộc trường hợp bị kết án về tội ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ (mặc dù số lượng cán bộ công chức, là Đảng viên bị kết án 107 người) và không có trường hợp nào được hoãn do bệnh nặng. Đây là lý do vì sao trong 05 năm không có trường hợp nào được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt tù do lập công trong thời gian được hoãn để được miễn CHHP tù. Tương tự như vậy, với 58 người bị kết án được tạm đình chỉ do bệnh nặng đã điều trị khỏi bệnh và chấp hành hình phạt còn lại mà không có trường hợp nào được miễn CHHP còn lại.

Nghiên cứu tình hình xét xử tại tỉnh cho thấy: Hầu hết các bị cáo bị kết án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội mang tính liên tục, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi rất cao. Tuy nhiên, không bị cáo nào bị phạt bổ sung cấm cư trú hoặc quản chế trong 05 năm qua.

Đối chiếu số liệu thì trong số 19.567 bị cáo được xét xử có 13.248 bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng (cải tạo không giam giữ, cho hưởng án treo và tù từ 3 năm trở xuống) và 2.015 bị cáo bị xét xử ở nhóm tội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung (cảnh cáo, phạt tiền) nhưng với số liệu trong các năm từ 2013 đến 2017 không có trường hợp nào được xét miễn chấp hành một phần còn lại của hình phạt tiền.

Số lượng phạm nhân không được đề nghị xét đặc xá một phần do công tác theo dõi, đôn đốc thi hành hành án như: Một số phạm nhân chưa thực hiện các hình phạt bổ sung là phạt tiền, bồi thường dân sự, án phí...; chỉ có bản cam kết thực hiện mà không có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn nhưng vẫn được xếp loại khá. Việc quản lý phạm nhân chưa chặt chẽ.

Số lượng phạm nhân chấp hành án tại Trại tạm giam và Cơ quan thi hành án cấp huyện rất hạn chế. Mỗi cơ quan thi hành án cấp huyện được thực hiện nhiệm vụ thi hành án hình sự là 15% trên tổng số phạm nhân bị xét xử trên địa bàn cấp huyện. Do vậy, trong vòng 05 năm qua số bị cáo kết án phạt tù (tù có thời hạn và tù chung thân) là 4.640 người, 15% của con số này chỉ là 2.196 người. Trong 2.196 người này được đặc xá 201 người thì chỉ là 9,15%.

Hơn nữa, số người chấp hành án tại các cơ sở giam giữ của tỉnh thường mức án thấp nên thường thì TAND tỉnh ra quyết định xét giảm mức hình phạt đã tuyên hay miễn CHHP trong những trường hợp còn lại nếu có đề nghị của Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh và đáp ứng điều kiện của mỗi loại tha, miễn. Do vậy, số lượng được xét đặc xá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thấp do những nguyên nhân trên.

3.3. Kiến nghị nâng cao hiệu quả của việc thực hiện đặc xá, đại xá tại tỉnh Đồng Nai

3.3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Pháp luật hình sự không những là bộ phận không thể thiếu, không thể tách rời của hệ thống pháp luật của một Nhà nước, mà đó đồng thời là công cụ để bảo vệ trực tiếp cả hệ thống chính trị. Qua 15 năm thi hành BLHS năm 1999 và 11 năm thi hành Luật đặc xá năm 2007 cho thấy ngoài những kết quả đạt được trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, một số quy định của hai văn bản pháp luật này đã bộc lộ những bất cập, hạn chế không còn phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế xã hội, xây dựng đất nước, hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đã xác định: *“Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất... đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; kết hợp hài hoà bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tính hiện đại của hệ thống pháp luật”*[18]. Hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và chế

định đặc xá, đại xá nói riêng cũng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn áp dụng pháp luật và tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Do đó, việc định hướng trong nghiên cứu sửa đổi Luật đặc xá cũng nhằm đáp ứng nhằm đáp ứng đòi hỏi trên.

Đại xá là một chế định rất quan trọng trong hệ thống pháp luật nước ta, được quy định trong Hiến pháp, BLHS nhưng trong hệ thống pháp luật chưa xây dựng được Luật đại xá. Vấn đề này tuy rất ít được áp dụng. Tuy nhiên, đây là quyền của nguyên thủ quốc gia thì thiết nghĩ rất cần một khung pháp lý có thể là Luật đại xá hay pháp lệnh về đại xá nhằm hoàn thiện về mặt pháp luật.

Luật Đặc xá được ban hành năm 2007, có hiệu lực từ năm 2008 nên một số nội dung của Luật đặc xá không còn phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành sau đó, như Hiến pháp năm 2013, Luật Thi hành án hình sự năm 2010, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 nên không bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Việc Chủ tịch nước quyết định đặc xá hàng năm có tác động xã hội rất lớn, là động lực để người bị kết án phạt tù tích cực học tập, rèn luyện, lao động, cố gắng cải tạo thật tốt. Ngoài ra, có sự hỗ trợ từ phía gia đình, người thân của họ hay toàn thể nhân dân. Tuy nhiên, dưới sự ra đời của một đạo luật được xem như là đạo luật gốc của pháp luật Việt Nam đó là BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 thì như là một tất yếu của quy luật, Luật đặc xá năm 2007 phải được sửa đổi nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của khung pháp lý tư pháp hình sự.

Nhằm hoàn thiện Luật đặc xá, ngoài những nội dung trên, cần thiết góp ý sửa đổi, bổ sung Luật đặc xá năm 2007 với những nội dung cơ bản sau:

Một là, để người được hưởng đặc xá hiểu được ý nghĩa của đặc xá là chính sách nhân đạo, là sự khoan hồng của pháp luật. Ngoài việc nhận được sự khoan hồng của pháp luật thì nên chăng cần có một chế tài hết sức nghiêm khắc đối với người đã được hưởng đặc xá mà tái phạm. Vì vậy, Dự thảo Luật ngoài

việc quy định thời gian thử thách đối với người được đặc xá theo hướng tăng cường sự quản lý, theo dõi, giám sát của Nhà nước đối với người được đặc xá mà còn quy định rõ chế tài nếu người đó không biết ăn năn hối cải mà tiếp tục phạm tội.

Theo nội dung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện thì người chấp hành án phạt tù đã thi hành án được một thời gian nhất định, thỏa mãn những điều kiện quy định, có thể được xem xét để trả tự do, thời gian thử thách đúng bằng thời gian còn lại của hình phạt tù; và nếu trong thời gian thử thách người được tha tù có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ của người được tha tù có điều kiện 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt hành chính từ 02 lần trở lên, thì có thể bị Tòa án quyết định buộc người được tha tù quay trở lại trại giam để thi hành phần hình phạt tù còn lại. Đây cũng là một chế tài rất thiết thực nhằm đánh vào tâm lý người phạm tội. Như vậy, việc quy định chế tài nghiêm khắc hơn đối với người đã được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước mà không lấy đó là một bài học mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội.

Hai là, khái niệm đặc xá đã được ghi nhận trong Luật đặc xá. Tuy nhiên, đối với đại xá thì khái niệm, trình tự, thủ tục, điều kiện áp dụng vẫn chưa được xây dựng bằng bất cứ văn bản luật nào. Cần thiết phải xây dựng một văn bản dưới dạng quy phạm pháp luật về đại xá để thực hiện khi có điều kiện.

Về tổng thể, có thể khẳng định rằng, đặc xá, đại xá và các chế định khác có liên quan là cơ sở nền tảng chung cho việc áp dụng biện pháp tha, miễn trong giai đoạn chấp hành hình phạt. Cùng với việc đưa ra khái niệm đặc xá, đại xá thì đồng thời các khái niệm về giảm mức hình phạt đã tuyên, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện cũng cần ghi nhận.

Ba là, BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành, trong các biện pháp tha, miễn chấp hành hình phạt tù, lần đầu tiên pháp luật hình sự Việt Nam quy định chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện được quy định tại Điều 66 BLHS năm 2015 thì đây cũng là một trong những giải pháp để rút ngắn thời gian phải chấp hành hình phạt tù trong trại giam. Thủ tục này do Tòa án quyết định mỗi năm 03

lần tùy thuộc vào việc xét điều kiện, tiêu chuẩn. Do vậy, nên chăng đặc xá chỉ nên quy định được áp dụng vào dịp “*nhân sự kiện trọng đại của đất nước*” nhằm nâng cao tầm quan trọng của chế định này.

Bốn là, điều kiện được đề nghị đặc xá được quy định tại Điều 10 Luật đặc xá. Do đặc xá là một đặc ân của Đảng và Nhà nước khoan hồng cho các phạm nhân tích cực học tập, cải tạo. Nên sửa đổi Luật đặc xá theo đúng nghĩa là đặc xá. Phải là người phạm tội lần đầu. Người phạm tội lần đầu là người trước đó chưa từng vi phạm pháp luật đến mức phải bị truy cứu TNHS và bị xét xử. Ở con người này khác hoàn toàn về tư tưởng, ý thức tuân thủ pháp luật đối với những người đã từng phạm tội (có án tích). Do vậy, đây là một trong những điều kiện được xem xét.

Do vậy, kiến nghị chỉ nên áp dụng đặc xá trong ba trường hợp sau đây:

Một là, những người thật sự có tiến bộ trong giáo dục, cải tạo giáo dục. Trường hợp này cần xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá sự tiến bộ và phải kèm theo điều kiện là thời gian đã chấp hành án để phản ánh sự cải tạo, tiến bộ trong giáo dục, cải tạo là một quá trình có tính liên tục và bền vững.

Hai là, bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực hình sự nói chung và trong BLHS nói riêng về đối tượng thuộc nhóm người dễ bị tổn thương: Là phụ nữ, người chưa thành niên, người cao tuổi, người khuyết tật trong chế định chấp hành hình phạt hay miễn chấp hành hình phạt vẫn chưa quan tâm đúng mức. Do đó, cần mở rộng hơn nữa về nhóm người này bên cạnh quy định hiện hành. Nghĩa là, ghi nhận chính thức những điều kiện này vào BLHS để xem xét như trường hợp miễn chấp hành toàn bộ hình phạt nhằm cụ thể hóa hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong BLHS, phù hợp với chính sách hình sự trong giai đoạn hiện nay. Cần thiết áp dụng với những người trong một số hoàn cảnh đặc biệt như người đã lập công lớn; người đã mắc bệnh hiểm nghèo; người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; người trên 70 tuổi thường xuyên ốm đau, bệnh tật không tự phục vụ được. Những trường hợp này không cần kèm theo điều kiện về thời gian đã chấp hành án, miễn là sự kiện

đặc biệt nêu trên xảy ra có thể áp dụng ngay thì mới đúng là ý nghĩa của việc khoan hồng đặc biệt.

Ba là, áp dụng trong trường hợp đặc biệt vì lý do đối ngoại của Nhà nước. Ngoài ra, cần thiết kiến nghị những đối tượng không nên áp dụng đặc xá:

Đối với một số tội, như người bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, chống hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh, khủng bố, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, cướp tài sản, tội sản xuất trái phép, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy. Cần nghiên cứu kỹ việc quy định đặc xá đối với các trường hợp này. Bởi đây là các tội phạm đặc biệt nguy hiểm được thực hiện do lỗi cố ý, ngay cả Bộ luật Hình sự cũng không cho phép tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với những đối tượng này. Kể cả với điều kiện là những người bị kết án về một trong các tội trên đã chấp hành được ít nhất 2/3 thời gian chấp hành án phạt tù được đề nghị xem xét đặc xá cũng cần hết sức cân nhắc”.

3.3.2. Kiến nghị về tổ chức thực hiện

Quán triệt và thực hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta là trừng trị kết hợp với khoan hồng đối với người phạm tội, đồng thời khuyến khích người bị kết án nhanh chóng khắc phục sửa chữa sai lầm, tuân thủ pháp luật là điều kiện để được đặc xá đối với người bị kết án. Trong khi đó, kể từ khi sự nghiệp đổi mới đất nước được Đảng và Nhà nước ta khởi xướng, đặc biệt là hiện nay khi đất nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Mở rộng nền dân chủ, tăng cường pháp chế và các giá trị xã hội khác như: Công bằng, bình đẳng, nhân đạo nhằm bảo vệ có hiệu quả các lợi ích của xã hội, của Nhà nước, của tổ chức và công dân cũng như bảo vệ các quyền của công dân và các quyền của con người trong xã hội.

Trước tình hình phát triển về mọi mặt của tỉnh Đồng Nai đặc biệt là về kinh tế, kéo theo sự đa dạng hóa về cư dân nên chính sách hình sự, thi hành án hình sự mà đặc biệt là thực hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội phải trú trọng. Cần phải kiện toàn đội ngũ cán bộ phục vụ trong

các cơ sở giam giữ. Do trình độ dân trí của người dân sống tại Đồng Nai khá cao (tong đó có đội ngũ trí thức và công nhân có chuyên môn cao) nên cần thiết thường xuyên tra cứu, cập nhật thường xuyên kiến thức pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu giam giữ và cảm hóa giáo dục người phạm tội nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác đặc xá. Hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm phục vụ công tác giáo dục người phạm tội. Công tác tái hòa nhập cộng đồng và tạo việc làm cho người được đặc xá phải thực hiện tốt và đây chính là thế mạnh của Đồng Nai vì đây là vùng đất tập trung nhiều khu công nghiệp nên cần rất nhiều nhân công.

Hoạt động xét xử của Tòa án chính là hoạt động tư pháp “*thực hiện quyền tư pháp*” mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định. Thể hiện tập trung nhất quyền lực Nhà nước. Nhằm đảm bảo công bằng xã hội, thiết lập trật tự, tạo nên một nền công lý vững chắc. Trên cơ sở đó “*hoạt động của Tòa án trong việc soạn thảo các luận điểm nhất định trên cơ sở cụ thể hóa và áp dụng pháp luật nhiều lần*”. [14, tr.189] vào đời sống pháp lý đã hình thành nên những chế định cơ bản trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Bằng “*những giải thích thống nhất mang tính chỉ đạo của TAND tối cao về áp dụng pháp luật hình sự ở Việt Nam thường được thể hiện trong nhiều loại văn bản hướng dẫn khác nhau của cơ quan xét xử cao nhất ở nước ta*” [14, tr.190] các hướng dẫn này nằm trong Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và trong các thông tư hướng dẫn liên ngành. Đây được gọi là hoạt động sáng tạo pháp luật. Giáo sư luật G.T.Tkeseliadze cho rằng vai trò của thực tiễn chính “*là phòng thí nghiệm đặc sắc mà trong đó kiểm tra tính đúng đắn và hiệu quả của đạo luật hình sự..., là công cụ nắm bắt, soạn thảo lại và truyền cho nhà làm luật các yêu cầu của thực tiễn xã hội, có nghĩa là người đưa thông tin xã hội*” [14, tr.90].

Tiếp nhận pháp luật nói chung, đặc xá trong Luật hình sự nói riêng phải kế thừa thành tựu lập pháp hình sự trước đó, “*trên cơ sở tổng kết thực tiễn lập pháp và áp dụng pháp luật hình sự quốc gia, đồng thời tham khảo kinh nghiệm*

lập pháp hình sự và những thành tựu lý luận của khoa học luật hình sự các Nhà nước pháp quyền trên thế giới phân tích tính quyết định xã hội của các quan hệ đang và sẽ hình thành trong điều kiện Việt Nam” [11, tr.340].

Hoạt động thi hành án phạt tù nói chung và tại Đồng Nai nói riêng là một trong những chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan như: Công an, Viện kiểm sát và Tòa án của tỉnh Đồng Nai. Thông qua công tác giám đốc kiểm tra được thực hiện thường xuyên, liên tục hoặc định kỳ phát hiện những thiếu sót, sai lầm của tòa án cấp huyện để kịp thời hướng dẫn, khắc phục. Hay công tác kiểm sát xét xử của ngành kiểm sát Đồng Nai phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đảm bảo kịp thời.

Phải đảm bảo tính mạng cho các phạm nhân đang giam giữ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Việc đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, đặc xá tha tù trước thời hạn phải đảm bảo kịp thời, đúng thủ tục, điều kiện, đối tượng theo luật định. Không bỏ lọt cũng như không xét miễn, giảm, đặc xá sai đối tượng.

Tiểu kết Chương 3

Đặc xá là chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, thể hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc ta đối với những người phạm tội, khuyến khích họ hối cải, rèn luyện trở thành người có ích cho xã hội; đồng thời ghi nhận kết quả cải tạo tốt của phạm nhân; thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa trại giam, gia đình, các cơ quan có liên quan và xã hội. Qua 11 năm thực hiện Luật Đặc xá, Công an Đồng Nai đã triển khai thực hiện tốt công tác này. Sau khi Luật Đặc xá có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị triển khai thực hiện.

Theo đó, các địa phương đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung của Luật Đặc xá, quá trình triển khai thực hiện, các đối tượng, tiêu chuẩn phạm nhân được đặc xá... để quần chúng nhân dân hiểu rõ ý nghĩa của việc thực hiện đặc xá. Đồng thời, UBND tỉnh cũng đã phối hợp với các cơ quan báo chí tăng cường xây dựng, phát sóng, đăng tải các phóng sự, tin, bài tuyên truyền, phản

ánh về tình hình, kết quả thực hiện Luật Đặc xá và công tác đặc xá trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức tập huấn cho cán bộ chủ chốt, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được đặc xá trở về địa phương tái hòa nhập cộng đồng.

Thời gian qua, Công an tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương thường xuyên phối hợp với chính quyền các cấp, ban, ngành chức năng liên quan tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, giao lưu để tuyên truyền công tác đặc xá cho nhân dân, nhất là những gia đình có người phạm tội, đang chấp hành án; tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu pháp luật và các chuyên đề về phòng, chống tội phạm (PCTP), phòng, chống ma túy (PCMT), phòng, chống tệ nạn xã hội... nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, từ đó tích cực phối hợp với lực lượng chức năng tham gia PCTP, PCMT. Từ năm 2008 đến năm 2015, Hội đồng xét, đề nghị đặc xá đã lập hồ sơ, thành lập Hội đồng xét, đề nghị tổ chức nhiều đợt cho phạm nhân được tha tù trước thời hạn cho người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước hoặc trong trường hợp đặc biệt.

Do có sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của Công an tỉnh cùng các sở, ban, ngành và sự chuẩn bị chủ động, tích cực của cấp ủy, chính quyền các cấp nên đại đa số người được đặc xá đã trở về nơi cư trú, làm ăn lương thiện, ổn định cuộc sống, tỉ lệ người được đặc xá tái phạm tội rất thấp. Qua theo dõi, số người được đặc xá có hành vi vi phạm pháp luật chiếm tỉ lệ nhỏ.

Trong những năm qua, công tác đặc xá đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Về mặt xã hội, việc đặc xá có tác dụng khuyến khích những người bị kết án phạt tù đang chấp hành án tích cực học tập, lao động, chấp hành tốt các quy định, nội quy trại giam, lập công chuộc tội để có thể sớm trở về với gia đình và cộng đồng. Công tác đặc xá đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, thể hiện bản chất chế độ XHCN. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế trong quá trình thi hành

Luật đặc xá. Xuất phát từ thực tiễn áp dụng pháp luật về đặc xá, đại xá cho ta thấy việc hoàn thiện các quy định pháp luật về đặc xá, đại xá rất cần thiết trước tình hình thay đổi hệ thống pháp luật về hình sự trong năm 02 năm qua là rất cơ bản cả về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Đồng thời, việc hoàn thiện chế định này cần có những định hướng cụ thể, rõ ràng như đã được nêu rõ trong phần kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về đặc xá, đại xá.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu chế định đặc xá, đại xá theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở các số liệu địa bàn tỉnh Đồng Nai) có thể rút ra những kết luận cơ bản sau:

Thứ nhất, luận văn đã đi sâu nghiên cứu khái niệm, đặc điểm của đặc xá, đại xá thông qua đó làm rõ bản chất và nội dung của đặc xá, đại xá. Hai chế định này phản ánh nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với người phạm tội và người bị kết án. Áp dụng với mục đích miễn TNHS hoặc miễn CHHP. Với bản chất pháp lý hình sự như vậy nên giá trị thể hiện trong chế định này là cơ sở để xây dựng nên khái niệm đặc xá, đại xá trong BLHS cũng như trong Luật đặc xá.

Thứ hai, mặt khác trong phần nghiên cứu lí luận, luận văn đã đi sâu phân tích so sánh các đặc điểm có tính đặc thù của đại xá, đặc xá, giảm chấp hành hình phạt tù và tha tù trước thời hạn có điều kiện, thông qua đó làm rõ những chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước ta. Nghiên cứu lịch sử hình thành của hai chế định này cho ta nhìn nhận về đặc xá, đại xá từ những văn bản đầu tiên của Nhà nước khi đại xá, xá miễn cho người bị kết án nhân dịp ngày lễ trọng đại của dân tộc đến đặc xá tha tù quy định rải rác ở các văn bản khác nhau lần lượt được ghi nhận thành chế định độc lập trong BLHS. Thông qua việc nghiên cứu quy định về đặc xá theo BLHS, Luật đặc xá hiện hành và thực tiễn áp dụng cho thấy còn những vướng mắc, bất cập từ chính 02 chế định này làm giảm tính tích cực, ảnh hưởng đến chính sách chung trong giai đoạn chấp hành hình phạt.

Thứ ba, luận văn đi sâu phân tích đánh giá thực tiễn thực hiện luật đặc xá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong những năm vừa qua. Thông qua đó đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân làm cơ sở để đề xuất kiến nghị để hoàn thiện Luật đặc xá.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật hình sự về Luật đặc xá qua đó, hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về chế định này vào thực tiễn; thì giải pháp có sự tham gia giám sát, quản lý của cơ quan tổ chức, gia đình

trong việc giáo dục người bị kết án phải được quan tâm, phối kết hợp một cách đồng bộ. Tăng cường hợp tác, học hỏi kinh nghiệm lập pháp hình sự từ các nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2007) “Khái niệm đặc xá và một số khái niệm có liên quan đến đặc xá”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 10, tr.2-3, 6.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2013) *Bình luận Luật đặc xá*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
3. Ban Chỉ đạo tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự (2000) *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
4. Phạm Tấn Beo (2009) *Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, quyển 1, Nxb, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp, Viện khoa học pháp lý (2006) *Từ điển Luật học*, Nxb Bách Khoa - Nxb Tư Pháp, Hà Nội.
6. Bộ Công an, Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân (2011) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Claude Brenner (2006) “Lựa chọn mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia”, Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 79, tr.30-35
8. Claude Brenner (2006) “Lựa chọn mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia”, Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 81, tr.31-35
9. Lê Cẩm (2005) “Chế định đặc xá, chế định đại xá và mô hình lý luận của chúng trong pháp Luật hình sự Việt Nam”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 5, tr.11
10. Lê Cẩm (2008) “Sự hình thành và phát triển các quy phạm pháp Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) từ năm 1945 đến nay”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 6, tr. 59-65
11. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự (Tập III)*. NXB Công an nhân dân năm. Hà Nội.
12. Lê Văn Cẩm (2009) *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (sách chuyên khảo)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Lê Văn Cẩm (2018) *Nhận thức khoa học về phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba (sách chuyên khảo)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

14. Lê Văn Cẩm (2005) *Sách chuyên khảo sau đại học những vấn đề cơ bản trong Luật hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945) *Sắc lệnh số 33D-SL về việc phóng thích cho các tội nhân bị kết án trước ngày 19/8/1945*, Hà Nội
16. Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945) *Sắc lệnh số 52-SL về xá miễn cho một số tội phạm trước ngày 19/8/1945*, Hà Nội
17. Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945) *Sắc lệnh số 33C-SL thành lập Toà án quân sự ở một số tỉnh thuộc Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ*, Hà Nội
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội
20. Đinh Bích Hà (2007) dịch và giới thiệu *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
21. Nguyễn Văn Hoàn (1994) dịch và giới thiệu *Bộ luật Hình sự Nhật Bản*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội
22. Nguyễn Ngọc Hòa (2004). *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*. NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
23. Nguyễn Mạnh Hùng (2003) *Thuật ngữ pháp lý*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. NXB Công an nhân dân (2005) *Từ điển Bách khoa Công an Nhân dân*, Hà Nội
25. NXB Tư Pháp (2006) *Từ điển Luật học*, Hà Nội
26. NXB Khoa học Xã hội (1967) *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội.
27. NXB Khoa học Xã hội và Nhân văn (1994) *Từ điển tiếng*, Hà Nội.
28. NXB Văn hóa Thông tin (2005) *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội.

29. Đinh Văn Quế (2000) *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999 - Phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
30. Quốc Hội (2009) *Bộ luật Hình sự năm 1999*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc Hội (2006) *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc Hội (2008) *Luật Đặc xá năm 2007*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Giang Sơn (2002) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Hồ Sỹ Sơn (2007) “Khái niệm hình phạt và mục đích hình phạt nhìn từ hệ thống pháp luật Anh - Mỹ”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 2, tr.74.
35. Hồ Sỹ Sơn (2009) *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
36. Hồ Sỹ Sơn (2018) *Luật hình sự so sánh*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
37. Thủ tướng Chính phủ (1954) *Thông tư số 413/TTg về đại xá*, ban hành ngày 09/11/1954, Hà Nội
38. Tòa án nhân dân tối cao (1975) *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội
39. Tòa án nhân dân tối cao (2005), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế và tố tụng*, Hà Nội.
40. Tòa án nhân dân tối cao (2012) *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2012*, ban hành ngày 18/01/2013, Hà Nội.
41. Trần Quang Tiếp (2003) *Lịch sử Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Trịnh Quốc Toàn (2011) *Hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

43. Trường đại học Luật Hà Nội (2011) dịch và giới thiệu *Bộ luật Hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Trường Đại học luật Hà Nội (2002) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
45. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010) *Giáo trình luật so sánh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011) *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Nguyễn Thanh Trúc (2008) “Biện pháp miễn chấp hành có điều kiện thời hạn còn lại của hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội”, Tạp chí *ngiên cứu lập pháp*, số 20, tr. 59-66.
48. Đào Trí Úc (2000) *Luật hình sự Việt Nam- Những vấn đề chung*, quyển 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
49. Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (1999) *Chuyên đề về Tư pháp hình sự so sánh (tủ sách luật so sánh)*, Hà Nội.
50. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994) *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Viện ngôn ngữ (2007) *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
52. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1995) *Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
53. Trịnh Tiến Việt (2012) *Hoàn thiện các quy định của - Phần chung Bộ luật hình sự trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
54. Võ Khánh Vinh (2015) *Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
55. Võ Khánh Vinh chủ biên (2002) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.